

Bài 62.

Chương VIII. TOÁT YẾU DUYÊN TRỢ (Paccayaṅgaha)

TỔNG QUAN

Quy luật về điều kiện trợ sanh và ủng hộ, gọi là duyên (*paccaya*). Pháp nào trợ giúp pháp khác sanh ra, gọi pháp ấy là năng duyên (*paccaya*); pháp nào sanh ra nhờ pháp khác trợ giúp, gọi pháp ấy là sở duyên (*paccayuppanna*). Pháp năng duyên trợ pháp sở duyên bằng mãnh lực trợ sanh (*janakasatti*), hoặc mãnh lực ủng hộ (*upatthambhakasatti*), hoặc bằng cả hai mãnh lực.

Đề cập đến duyên trợ (*paccaya*) Abhidhammatthasaṅgaha trình bày 2 loại:

1. Paṭiccasamuppāda – Y tương sinh
2. Paṭṭhāna – duyên hệ

Y tương sinh là định luật nhân quả luân hồi. Những yếu tố luân hồi trợ sanh phụ thuộc vào nhau có trình tự như già chết do sanh làm duyên, sanh do hữu làm duyên, Hữu do thủ làm duyên, Thủ do ái làm duyên, Ái do thọ làm duyên, Thọ do xúc làm duyên, Xúc do lục nhập làm duyên, Lục nhập do danh sắc làm duyên, Danh sắc do thức làm duyên, Thức do hành làm duyên, Hành do vô minh làm duyên, đó làm tập khởi của toàn bộ ngũ uẩn này.

Duyên hệ là định lý về điều kiện trợ sanh pháp hữu vi. Pháp này duyên cho pháp kia sanh khởi; Một pháp sanh lên có nhiều điều kiện trợ sanh. Đó là qui luật tạo tác của hữu vi. Duyên hệ là công thức của duyên sinh.

Trong Visuddhimagga, phần Tuệ, khi nói đến 12 y tương sinh (*paṭiccasamuppāda*), Ngài Buddhaghosa đã dùng 24 duyên hệ để làm sáng tỏ mối liên quan giữa những cặp duyên sinh. Bởi lý do này nên ở đây sẽ trình bày trước 24 duyên hệ (*paṭṭhāna*) sau đó mới trình bày 12 duyên sinh.

PHẦN I: ĐỊNH LÝ DUYÊN HỆ (Paṭṭhānanayo)

Trong bộ Paṭṭhāna (bộ vị trí) của tạng Abhidhamma (vi diệu pháp hay thắng pháp) trình bày duyên hệ, là những điều kiện trợ sanh các pháp hữu vi, gồm có 24 duyên:

- | | |
|-----------------------|-----------------------|
| 1. Hetupaccayo | – Nhân duyên |
| 2. Ārammaṇapaccayo | – Cảnh duyên |
| 3. Adhipatipaccayo | – Trưởng duyên |
| 4. Anantarapaccayo | – Vô gián duyên |
| 5. Samanantarapaccayo | – Liên tiếp duyên |
| 6. Sahajātapaccayo | – Câu sanh duyên |
| 7. Āññamaññapaccayo | – Hỗ tương duyên |
| 8. Nissayapaccayo | – Y chỉ duyên |
| 9. Upanissayapaccayo | – Cận y duyên |
| 10. Purejātapaccayo | – Tiền sanh duyên |
| 11. Pacchājātapaccayo | – Hậu sanh duyên |
| 12. Āsevanapaccayo | – Trùng dụng duyên |
| 13. Kammappaccayo | – Nghiệp duyên |
| 14. Vipākappaccayo | – Quả duyên |
| 15. Āhārapaccayo | – Vật thực duyên |
| 16. Indriyapaccayo | – Quyền duyên |
| 17. Jhānapaccayo | – Thiền na duyên |
| 18. Maggapaccayo | – Đồ đạo duyên |
| 19. Sampayuttapaccayo | – Tương ưng duyên |
| 20. Vippayuttapaccayo | – Bất tương ưng duyên |
| 21. Atthipaccayo | – Hiện hữu duyên |
| 22. Natthipaccayo | – Vô hữu duyên |
| 23. Vigatapaccayo | – Ly khứ duyên |
| 24. Avigatapaccayo | – Bất ly duyên |

Lược giải 24 duyên theo ý nghĩa và chi pháp:

1. Nhân duyên (*Hetupaccayo*)

Nhân duyên, là sự trợ giúp bằng cách làm gốc rễ vững chắc. Như rễ giúp thân cây.

Chánh tạng giải thích: *Hetū hetusampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ hetupaccayena paccayo 'ti hetupaccayo*. Các nhân trợ các pháp tương ưng nhân và các sắc có nhân làm sở sanh bằng nhân duyên, như thế gọi là nhân duyên.

Chú giải: Nhân (*hetū*) tức là nhân tương ưng, có 6 nhân tương ưng là tham (*lobha*), sân (*dosa*), si (*moha*), vô tham (*alobha*), vô sân (*adosa*), và vô si (*amoha*). Tham, sân, si là ba nhân bất thiện (*akusalahetu*) hay căn bất thiện (*akusalamūla*); Vô tham, vô sân, vô si là ba nhân thiện (*kusalahetu*) hay căn thiện (*kusalamūha*); vô tham, vô sân, vô si cũng là ba nhân vô ký (*abyākatahetu*) hay căn vô ký (*abyākatamūla*).

Các pháp tương ưng nhân (*hetusampayuttakadhamma*) là 103 tâm hữu nhân với 52 tâm sở phối hợp tâm hữu nhân.

Các sắc có nhân làm sở sanh (*taṃsamuṭṭhānarūpa*) là 17 sắc tâm hữu nhân, những sắc do các nhân tương ưng tâm trợ tạo.

Phân tích lời giải này, có ba trường hợp nhân duyên:

a. Ba nhân bất thiện trợ 12 tâm bất thiện với 27 tâm sở hợp tâm bất thiện, và trợ 17 sắc tâm hữu nhân bất thiện, bằng nhân duyên.

b. Ba nhân thiện trợ 37 tâm thiện cùng 38 tâm sở hợp tâm thiện, và trợ 17 sắc tâm hữu nhân thiện, bằng nhân duyên.

c. Ba nhân vô ký trợ 54 tâm vô ký hữu nhân cùng 38 tâm sở hợp tâm vô ký hữu nhân, và trợ 17 sắc tâm hữu nhân vô ký, bằng nhân duyên.

*

2. Cảnh duyên (*Ārammaṇapaccayo*)

Cảnh duyên là sự trợ giúp bằng cách làm đối tượng tác động. Như ánh sáng cuối đường hầm giúp người đi tới, men theo lối ấy.

Chánh tạng giải thích:

Ārammaṇapaccayo 'ti-rūpāyatanam *cakkhuvīññāṇadhātuyā*
taṃsampilayuttakānaṃca dhammānaṃ ārammaṇapaccayena paccayo -

Saddāyatanam sotaviññānadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ ārammaṇapaccayena paccayo - Gandhāyatanam ghānaviññānadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ ārammaṇapaccayena paccayo - Rasāyatanam jivhāviññānadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ ārammaṇapaccayena paccayo - Phoṭṭhabbāyatanam kāyaviññānadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ ārammaṇapaccayena paccayo - Rūpāyatanam saddāyatanam gandhāyatanam rasāyatanam phoṭṭhabbāyatanam manodhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ ārammaṇapaccayena paccayo - Sabbe dhammā manoviññānadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ ārammaṇapaccayena paccayo - Yam yam dhammaṃ ārabha ye ye dhammā uppajanti cittacetasikā dhammā te te dhammā tesam tesam dhammānaṃ ārammaṇapaccayena paccayo.

Gọi là cảnh duyên như sắc xứ trợ nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng cảnh duyên – Thinh xứ trợ nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng cảnh duyên – Khí xứ trợ tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng cảnh duyên – Vị xứ trợ thiết thức giới và các pháp tương ưng bằng cảnh duyên – Xúc xứ trợ thân thức giới và các pháp tương ưng bằng cảnh duyên – Sắc xứ, Thinh xứ, Khí xứ, vị xứ, xúc xứ trợ ý giới và các pháp tương ưng bằng cảnh duyên – Tất cả pháp trợ ý thức giới và các pháp tương ưng bằng cảnh duyên – Những pháp nào sanh khởi, tức tâm và tâm sở, do bắt lấy pháp chi chi, thì pháp chi chi ấy trợ pháp tâm và tâm sở ấy bằng cảnh duyên.

Chú giải:

Sắc xứ (*rūpāyatanam*) tức là sắc cảnh sắc.

Nhãn thức giới và các pháp tương ưng (*cakkhaviññānadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ*) tức là 2 tâm nhãn thức và 7 tâm sở tợ tha biến hành phối hợp tâm nhãn thức.

Thinh xứ (*saddāyatanam*) tức là sắc cảnh thinh.

Nhĩ thức giới và các pháp tương ưng (*sotaviññānadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ*) tức là 2 tâm nhĩ thức và 7 tâm sở tợ tha biến hành phối hợp tâm nhĩ thức.

Khí xứ (*gandhāyatanam*) tức là sắc cảnh khí.

Tỷ thức giới và các pháp tương ưng (*ghānaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ*) tức là 2 tâm tỷ thức và 7 tâm sở tợ tha biến hành phối hợp tâm tỷ thức.

Vị xứ (*rasāyatanam*) tức là sức cảnh vị.

Thiệt thức giới và các pháp tương ưng (*jivhāviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ*) tức là 2 tâm thiệt thức và 7 tâm sở tợ tha biến hành phối hợp tâm thiệt thức.

Xúc xứ (*phoṭṭhabbāyatanam*) tức là sắc cảnh xúc (đất, lửa, gió).

Thân thức giới và các pháp tương ưng (*kāyaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ*) tức là 2 tâm thân thức và 7 tâm sở tợ tha biến hành phối hợp tâm thân thức.

Sắc, thính, khí, vị, xúc xứ gom lại thành cảnh ngũ (*pañcārammaṇam*)

Ý giới và các pháp tương ưng (*manodhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ*) tức là 2 tâm tiếp thu, 1 tâm khai ngũ môn, và 10 tâm sở tợ tha (trừ cần, hỷ, dục) phối hợp tâm ý giới.

Tất cả pháp (*sabbe dhammā*) ở đây nói đến cảnh pháp (*dhammārammaṇa*) tức là tất cả tâm, tâm sở, sắc thần kinh, sắc tế, níp bàn và pháp chế định.

Ý thức giới và các pháp tương ưng (*manoviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ*) tức là 108 tâm (trừ ngũ song thức và 3 ý giới) và 52 tâm sở phối hợp ý thức giới.

Những pháp nào sanh khởi, tức tâm và tâm sở (*ye ye dhammā uppajjanti cittacetāsikā dhamma*) là 121 tâm và 52 tâm sở nói chung.

Do bắt lấy pháp chi chi (*yaṃ yaṃ dhammaṃ ārabha*) tức là nói đến sáu cảnh mà tâm biết, đó là cảnh sắc, cảnh thính, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc và cảnh pháp.

Chi pháp tổng quát cảnh duyên là:

Năng duyên tức cảnh danh pháp, cảnh sắc pháp, cảnh níp bàn, cảnh chế định, trợ sở duyên sanh tức là 121 tâm và 52 tâm sở phối hợp.

*

3. Trưởng duyên (*Adhipatipaccayo*)

Trưởng duyên là sự trợ giúp bằng sức mạnh vượt trội, thế chủ lực, trọng điểm thu hút. Như trong bầy thú rừng, con đầu đàn mạnh mẽ hơn, khôn ngoan hơn sẽ dẫn dắt đàn sinh tồn.

Chánh tạng giải thích:

Adhipatipaccayo'ti – chandādhīpati chandasampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ adhipatipaccayena paccayo – Viriyādhīpati viriyasampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ adhipatipaccayena paccayo – Cittādhīpati cittasampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ adhipatipaccayena paccayo – Vimāḷādhīpati vimāḷasampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ adhipatipaccayena paccayo – Yaṃ yaṃ dhammaṃ garuṃ katvā ye ye dhammā upajjanti cittacetāsikā dhammā, te te dhammā tesam tesam dhammānaṃ adhipaccayena paccayo.

Gọi là trưởng duyên , như dục trưởng trợ các pháp tương ưng dục và các sắc tâm hữu dục trưởng bằng trưởng duyên – Cần trưởng trợ các pháp tương ưng cần và các sắc tâm hữu cần trưởng bằng trưởng duyên – Tâm trưởng trợ các pháp tương ưng tâm và các sắc tâm hữu trưởng bằng trưởng duyên – Thâm trưởng trợ các pháp tương ưng thâm và các sắc tâm hữu thâm trưởng bằng trưởng duyên – các pháp nào như tâm và tâm sở sanh khởi do lấy pháp chi chi làm trọng, thì pháp chi chi ấy trợ pháp tâm và tâm sở ấy bằng trưởng duyên.

Chú giải:

Dục trưởng (*chandādhīpati*) là tâm sở dục trong đồng lực đa nhân.

Pháp tương ưng dục (*chandasampayuttakānaṃ dhammānaṃ*) là 84 tâm đồng lực đa nhân và 50 tâm sở (trừ hoài nghi và dục).

Các sắc tâm hữu dục trưởng (*taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ*) là 17 sắc tâm có dục trưởng làm duyên.

Cần trưởng (*viriyādhīpati*) là tâm sở cần trong đồng lực đa nhân.

Pháp tương ưng cần (*viriyasampayuttakānaṃ dhammānaṃ*) là 84 tâm đồng lực đa nhân và 50 tâm sở (trừ hoài nghi và cần).

Các sắc tâm hữu cần trưởng (*taṃsamuṭṭhānā nañca rūpaṃ*) là 17 sắc tâm có cần trưởng làm duyên.

Tâm trưởng (*cittādhīpati*) là 84 tâm đồng lực đa nhân (nhị nhân, tam nhân) gồm 8 tâm tham, 2 tâm sân, 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 9 tâm thiện đáo đại, 9 tâm tố đáo đại và 40 tâm siêu thế.

Các pháp tương ưng tâm (*cittasampayuttakānaṃ dhammānaṃ*) là 51 tâm sở hợp đồng lực đa nhân (trừ tâm sở hoài nghi).

Các sắc tâm hữu trưởng (*taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ*) là 17 sắc tâm đồng lực đa nhân làm trưởng.

Thẩm trưởng (*vimāṃsādhīpati*) là tâm sở trí tuệ trong đồng lực tam nhân (hợp trí).

Các pháp tương ưng thẩm (*vimāṃsasampayuttakānaṃ dhammānaṃ*) là 66 tâm đồng lực hợp trí và ...???

Các sắc tâm hữu thẩm trưởng (*taṃsamuṭṭhānānañca rūpānaṃ*) là 17 sắc tâm có thẩm trưởng làm duyên.

Các pháp nào như tâm và tâm sở sanh khởi (*ye ye dhammā uppajanti cittacetāsikā dhammā*) trong pháp duyên này là 8 tâm tham, 8 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố hợp trí, 40 tâm siêu thế (cả thảy 60 tâm), cùng 45 tâm sở phối hợp các tâm ấy.

Do lấy pháp chi chi làm trọng (*yaṃ yaṃ dhammaṃ gaṇaṃ katvā*) tức là pháp cảnh trưởng như tâm (trừ 2 tâm sân, 2 tâm si, thân thức thọ khổ) và tâm sở (trừ 4 sân phần, 1 hoài nghi) 18 sắc rõ thành cảnh tốt và níp bàn.

Theo lời giải thích trên, nên biết có 3 cách trưởng duyên:

a. Câu sanh trưởng duyên. Chi pháp: năng duyên là dục trưởng, cần trưởng, tâm trưởng và thẩm trưởng trợ sở duyên đồng sanh là 84 tâm đồng lực đa nhân cùng 51 tâm sở hợp đồng lực đa nhân, và 17 sắc tâm hữu trưởng.

b. Cảnh trưởng duyên. Chi pháp: Năng duyên là 116 tâm và 47 tâm sở thành cảnh trưởng, 18 sắc rõ thành cảnh tốt, níp bàn, trợ cho sở duyên là 8 tâm tham, 8 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố hợp trí, và 40 tâm siêu thế cùng 45 tâm sở hợp.

c. Vật cảnh tiền sanh trưởng duyên. Chi pháp: Năng duyên là sắc ý vật cận tử thành cảnh trưởng trợ sở duyên là đồng lực lộ cận tử 8 tâm tham cùng 22 tâm sở tương ưng.

*

4. Vô gián duyên (*Anantarapaccayo*)

Vô gián duyên là mãnh lực trợ sanh tiếp nối, liên tục, không cho gián đoạn. Như Vua cha băng hà, Thái tử kế vị ngay vàng để truyền thừa dòng dõi vậy. Dòng tâm thức, sát na tâm trước diệt trợ cho sát na tâm sau sanh không gián đoạn, gọi là vô gián duyên.

Chánh tạng giải thích:

Anantarapaccayo'ti – Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo – Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo – Purimā purimā akusalā dhammā akusalānaṃ dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo – Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ anantara paccayena paccayo – Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo – Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo – Purimā purimā abyākatā dhammā akusalānaṃ dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo – Yesaṃ yesaṃ dhammānaṃ anantarā ye ye dhammā uppajjanti cittacetāsikā dhammā te te dhammā tesāṃ tesāṃ dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo.

Gọi là vô gián duyên, như các pháp thiện kế trước trợ các pháp thiện kế sau bằng vô gián duyên – Các pháp bất thiện kế trước trợ các pháp vô ký kế sau bằng vô gián duyên – Các pháp bất thiện kế trước trợ các pháp bất thiện kế sau bằng vô gián duyên – Các pháp bất thiện kế trước trợ các pháp vô ký kế sau bằng vô gián duyên – Các pháp vô ký kế trước trợ pháp vô ký kế sau bằng vô gián duyên – Các pháp vô ký kế trước trợ các pháp thiện kế sau bằng vô gián duyên – Các pháp vô ký kế trước trợ pháp bất thiện kế sau bằng vô gián duyên – Những pháp nào như tâm và tâm sở sanh khởi tiếp theo những pháp nào, thì những pháp ấy trợ các pháp tâm và tâm sở đó bằng vô gián duyên.

Chú giải:

Pháp tâm và tâm sở (*cittacetāsikā dhammā*) là bốn danh uẩn đồng sanh trong một sát na. Sát na trước diệt đi trợ cho sát na sau sanh nối tiếp gọi là vô gián duyên.

Pháp thiện kế trước trợ pháp thiện kế sau bằng vô gián duyên, tức là trong lộ trình tâm có đồng lực thiện diễn tiến, sát na đồng lực thiện sanh trước trợ cho sát na đồng lực thiện sanh tiếp theo, gọi là thiện trợ thiện bằng vô gián duyên.

Pháp thiện kế trước trợ pháp vô ký kế sau bằng vô gián duyên. Pháp thiện đây là sát na đồng lực thiện trợ pháp vô ký là sát na tâm mót cảnh hoặc sát na hữu phần sanh tiếp nối đồng lực thiện; trong lộ đặc đạo sát na tâm đạo trợ sát na tâm quả siêu thế cũng gọi là pháp thiện trợ pháp vô ký bằng vô gián duyên; Trong lộ nhập thiên diệt của bậc A na hàm, sát na tâm thiên thiện phi tướng phi phi tướng trợ sát na tâm tam quả khởi lên khi xuất thiên diệt, cũng gọi là pháp thiện trợ pháp vô ký bằng vô gián duyên.

Pháp bất thiện kế trước trợ pháp bất thiện kế sau bằng vô gián duyên là sát na đồng lực bất thiện vừa diệt trợ cho sát na đồng lực bất thiện sanh nối tiếp bằng vô gián duyên.

Pháp bất thiện kế trước trợ pháp vô ký kế sau bằng vô gián duyên. Tức là sát na đồng lực bất thiện vừa diệt trợ cho sát na tâm mót cảnh, hoặc tâm hữu phần, bằng vô gián duyên.

Pháp vô ký kế trước trợ pháp vô ký kế sau bằng vô gián duyên, như là tâm hữu phần trợ tâm hữu phần, tâm hữu phần dứt dòng trợ tâm khai ngũ môn, tâm khai ngũ môn trợ tâm nhãn thức hoặc nhĩ thức hoặc tỷ thức hoặc thiệt thức hoặc thân thức, tâm nhãn thức ..v.v.. trợ tâm tiếp thấu, tâm tiếp thấu trợ tâm quan sát, tâm quan sát trợ tâm xác định, tâm xác định trợ tâm đồng lực tố, tâm khai ý môn trợ tâm đồng lực tố, đồng lực tố trước trợ đồng lực tố sau, tâm đồng lực tố trợ tâm mót cảnh, tâm mót cảnh trợ tâm hữu phần; tâm tố phi tướng phi phi tướng trợ tâm tứ quả khởi lên khi xuất thiên diệt; Tâm tử trợ tâm tái tục đời sống mới, gọi là vô ký trợ vô ký bằng vô gián duyên.

Pháp vô ký kế trước trợ pháp thiện kế sau bằng vô gián duyên, như là sát na tâm xác định trợ tâm đồng lực thiện, hoặc sát na tâm khai ý môn trợ tâm đồng lực thiện trong lộ ý môn.

Pháp vô ký kế trước trợ pháp bất thiện kế sau bằng vô gián duyên, như là sát na tâm xác định trợ tâm đồng lực bất thiện trong lộ ngũ môn, sát na tâm khai ý môn trợ tâm đồng lực bất thiện trong lộ ý môn.

*

5. Liên tiếp duyên (*Samanantarapaccayo*)

Liên tiếp duyên giống như vô gián duyên, chỉ khác tên gọi. Liên tiếp duyên cũng có nghĩa là sự trợ duyên tâm sanh nối tiếp của dòng tư tưởng.

Khi Đức Phật thuyết vô gián duyên (*Anantarapaccaya*) có một số chư thiên không hiểu kịp nên Ngài thuyết lập lại nhưng dùng từ khác cũng đồng nghĩa: Liên tiếp duyên hay Đẳng vô gián duyên (*samanantarapaccaya*) theo chú giải đã giải thích.

*

6. Câu sanh duyên (*Sahajātapaccayo*)

Câu sanh duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách sanh cùng thời điểm. Như ngọn đèn được thắp lên thì ánh sáng đồng thời bùng tỏa.

Chánh tạng giải thích:

Sahajātapaccayo 'ti – Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ saha jātapaccayena paccayo – cattāro mahābhūtā aññamaññaṃ saha jātapaccayena paccayo – Okkantikkhaṇe nāmarūpaṃ aññamaññaṃ saha jātapaccayena paccayo – Cittacetāsikā dhammā cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ saha jātapaccayena paccayo – Māhābhūtā upādārūpānaṃ saha jātapaccayena paccayo.

Gọi là câu sanh duyên, như bốn uẩn phi sắc trợ lẫn nhau bằng câu sanh duyên – Bốn đại hiện trợ lẫn nhau bằng câu sanh duyên – Vào thời điểm tục sinh, danh sắc trợ lẫn nhau bằng câu sanh duyên – Các pháp tâm và tâm sở trợ sắc tâm bằng câu sanh duyên – sắc đại hiện trợ sắc y sinh bằng câu sanh duyên.

Chú giải:

Bốn uẩn phi sắc (*cattro khandhā arūpino*) tức là 4 danh uẩn – thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, và thức uẩn. Bốn danh uẩn này đồng sanh trong một sát na trợ giúp lẫn nhau, một trợ ba, ba trợ một, hai trợ hai. Như thế gọi là câu sanh duyên.

Bốn đại hiện (*cattāro mahābhūtā*) tức là 4 nguyên tố - đất, nước, lửa, gió. Bốn nguyên tố này đồng sanh trong một đơn vị vật chất, chúng trợ lẫn nhau, một trợ ba, ba trợ một, hai trợ hai. Như thế gọi là câu sanh duyên.

Vào thời điểm tục sinh danh và sắc trợ lẫn nhau. Tâm quả tái tục gọi là danh, sắc ý vật tái tục cõi ngũ uẩn gọi là sắc. Danh và sắc tái tục đồng sanh vào sát na tục sinh, tâm tái tục trợ sắc ý vật tái tục, sắc ý vật tái tục là trú căn cho tâm tái tục. Như thế gọi là câu sanh duyên.

Các pháp tâm và tâm sở trợ sắc tâm, tức là sát na tâm tạo sắc tâm (*cittājarūpa*) bằng câu sanh duyên.

Sắc đại hiện trợ sắc y sinh, tức là sắc tứ đại trợ sắc y sinh đồng sanh một bộn như bộn sắc nghiệp, bộn sắc tâm, bộn sắc quý tiết, bộn sắc vật thực bằng câu sanh duyên.

(còn tiếp)

Biên soạn giáo trình: Tỳ kheo Tuệ Siêu

Bài 63.

Chương VIII. TOÁT YẾU DUYÊN TRỢ (Paccayasāṅgaha) **PHẦN I: ĐỊNH LÝ DUYÊN HỆ (Paṭṭhānanayo) “tiếp theo”**

7. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccayo)

Hỗ tương duyên là mãnh lực trợ giúp có qua phải có lại; Năng giúp sở chỉ có một chiều, như tâm trợ sắc tâm... thì không gọi là hỗ tương, chỉ là đồng sanh thôi; Năng và sở giúp nhau song phương như thức uẩn trợ thọ uẩn, ngược lại thọ uẩn cũng trợ thức uẩn... gọi là câu sanh hỗ tương.

Do đó câu sanh duyên có 5 trường hợp mà hỗ tương duyên thì chỉ có 3 trường hợp trong 5 của câu sanh duyên thôi.

Chánh tạng giải thích:

Aññamaññapaccayo’ti – Cattāro khandhā arūpino aññamaññapaccayena paccayo – Cattāro mahābhūtā aññamaññapaccayena paccayo – Okkantikkhaṇe nāmarūpaṃ aññamaññapaccayena paccayo.

Hỗ tương duyên, như là bốn uẩn phi sắc trợ nhau bằng hỗ tương duyên – Bốn đại hiện trợ nhau bằng hỗ tương duyên – Vào thời điểm tục sinh danh và sắc trợ nhau bằng hỗ tương duyên.

Chú giải:

Bốn uẩn phi sắc, tức là 4 danh uẩn – thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Bốn danh uẩn này đồng sanh trong một sát na trợ giúp lẫn nhau, một trợ ba, ba trợ một, hai trợ hai. Như thế gọi là hỗ tương duyên.

Bốn đại hiện, tức là 4 nguyên tố vật chất – Đất, nước, lửa, gió. Bốn nguyên tố này đồng sanh trong một đơn vị vật chất trợ giúp lẫn nhau, một trợ ba, ba trợ một, hai trợ hai. Như thế gọi là hỗ tương duyên.

Vào thời điểm tục sinh cõi ngũ uẩn có danh tái tục tức là 15 tâm quả tái tục và 35 tâm sở hợp, sắc tái tục là sắc nghiệp ý vật. Tâm tái tục trợ sắc ý vật tái tục; sắc ý vật tái tục trợ tâm tái tục. Danh sắc tái tục trợ lẫn nhau gọi là hỗ tương duyên.

*

8. Y chỉ duyên (*Nissayapaccayo*)

Y chỉ duyên là mảnh lực trợ giúp bằng cách làm chỗ nương; Năng làm chỗ tựa cho sở. Như chiếc phao giúp người lội qua sông vẫy.

Có ba loại y chỉ duyên: Câu sanh y duyên (*sahajātanissayapaccayo*), vật tiền sanh y duyên (*vatthupurejātanissayapaccayo*), vật cảnh tiền sanh y duyên (*vatthārammaṇapurejātanissayapaccayo*).

Chánh tạng giải thích:

Nissayapaccayo'ti – Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ nissayapaccayena paccayo – Cattāro mahābhūtā aññamaññaṃ nissayapaccayena paccayo – Okkantikkhaṇe nāmarūpaṃ aññamaññaṃ nissayapaccayena paccayo – Cittacetasikā dhammā cittasamutṭhānānaṃ rūpānaṃ nissayapaccayena paccayo – Mahābhūtā upādārūpānaṃ nissayapaccayena paccayo – Cakkhāyatanam cakkhaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ nissayapaccayena paccayo – Sotāyatanam sotaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ nissayapaccayena paccayo – Ghāṇāyatanam ghānaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ nissayapaccayena paccayo – Jivhā yatanam jivhāviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ nissayapaccayena paccayo – Kāyāyatanam kāyaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ nissayapaccayena paccayo – Yaṃ rūpaṃ nissāya manodhātu ca manoviññāṇadhātu ca vattanti taṃ rūpaṃ manodhātuyā ca manoviññāṇadhātuyā ca taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ nissayapaccayena paccayo.

Y chỉ duyên như là – Bốn uẩn phi sắc trợ lẫn nhau bằng y chỉ duyên – Bốn đại hiện trợ lẫn nhau bằng y chỉ duyên – Vào sát na tục sinh danh sắc trợ lẫn nhau bằng y chỉ duyên – Các pháp tâm và tâm sở trợ các sắc tâm sanh bằng y chỉ duyên – Sắc đại hiện trợ các sắc y sinh bằng y chỉ duyên – Nhãn xứ trợ nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng y chỉ duyên – Nhĩ xứ trợ nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng y chỉ duyên – Tỷ xứ trợ tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng y chỉ duyên – Thiệt xứ trợ thiệt thức giới và các pháp tương ưng bằng y chỉ duyên – Thân xứ trợ thân thức giới và các pháp tương ưng bằng y chỉ duyên – Ý giới và ý thức giới sanh

diễn nương sắc nào, sắc ấy trợ ý giới và ý thức giới cùng các pháp tương ưng và y chỉ duyên.

Chú giải:

Bốn uẩn phi sắc trợ lẫn nhau bằng y chỉ duyên nghĩa là trong một sát na tâm sanh khởi có 4 danh uẩn (thọ, tưởng, hành, thức) đồng sanh làm chỗ nương cho nhau, một uẩn nương ba uẩn, ba uẩn nương một uẩn, hai uẩn nương hai uẩn, đây gọi là câu sanh y duyên (*sahajātanissayapaccayo*).

Bốn đại hiện trợ lẫn nhau bằng y chỉ duyên, nghĩa là 4 nguyên tố đất, nước, lửa, gió đồng sanh trong một đơn vị vật chất làm chỗ nương cho nhau, một đại nương ba đại, ba đại nương một đại, hai đại nương hai đại, đây gọi là câu sanh y duyên.

Vào sát na tục sinh danh sắc trợ lẫn nhau bằng y chỉ duyên, nghĩa là danh uẩn quả tái tục cõi ngũ uẩn và sắc nghiệp ý vật tái tục đồng sanh trong thời điểm tái tục làm chỗ nương cho nhau, danh trợ sắc, sắc trợ danh, đây gọi là câu sanh y duyên.

Các pháp tâm và tâm sở trợ các sắc tâm sanh bằng y chỉ duyên, nghĩa là trong thời bình nhật cõi ngũ uẩn tâm sanh tạo sắc tâm (*cittajarūpa*) đồng sanh, sắc tâm nương tâm mà sanh khởi, đây gọi là câu sanh y duyên.

Sắc đại hiện trợ sắc y sinh bằng y chỉ duyên, nghĩa là 4 sắc đất, nước, lửa, gió trợ cho sắc y đại sinh, làm chỗ nương cho sắc y đại sinh đồng sanh, đây gọi là câu sanh y duyên.

Năm trường hợp kể trên, theo chú giải gọi là câu sanh y duyên (*sahajātanissayapaccayo*) vì năng giúp sở bằng cách vừa làm chỗ nương, vừa đồng sanh với sở.

Nhãn xứ trợ nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng y chỉ duyên, nghĩa là sắc thần kinh nhãn hay nhãn vật làm chỗ nương trú cho 2 tâm nhãn thức cùng 7 tâm sở trợ tha biến hành tương ưng tâm nhãn thức, đây gọi là vật tiền sanh y duyên.

Nhĩ xứ trợ nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng y chỉ duyên, nghĩa là sắc thần kinh nhĩ hay nhĩ vật làm chỗ nương trú cho 2 tâm nhĩ thức cùng 7 tâm sở trợ tha biến hành tương ưng tâm nhĩ thức, đây gọi là vật tiền sanh y duyên.

Tỷ xứ trợ tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng y chỉ duyên, nghĩa là sắc thần kinh tỷ hay tỷ vật làm chỗ nương trú cho 2 tâm tỷ thức cùng 7 tâm sở trợ tha biến hành tương ưng tâm tỷ thức, đây gọi là vật tiền sanh y duyên.

Thiệt xứ trợ thiết thức giới và các pháp tương ưng bằng y chỉ duyên, nghĩa là sắc thần kinh thiết hay thiết vật làm chỗ nương trú cho 2 tâm thiết thức cùng 7 tâm sở trợ tha biến hành tương ưng tâm thiết thức, đây gọi là vật tiền sanh y duyên.

Thân xứ trợ thân thức giới và các pháp tương ưng bằng y chỉ duyên, nghĩa là sắc thần kinh thân hay vật làm chỗ nương trú cho 2 tâm thân thức cùng 7 tâm sở trợ tha biến hành tương ưng tâm thân thức, đây gọi là vật tiền sanh y duyên.

Ý giới và ý thức giới sanh diễn nương sắc nào, sắc ấy trợ ý giới và ý thức giới cùng các pháp tương ưng bằng y chỉ duyên, nghĩa là sắc ý vật (*hadayavatthu*) làm chỗ nương trú cho 3 tâm ý giới (2 tâm tiếp thân, 1 tâm khai ngũ môn) cùng 10 tâm sở trợ tha (trừ cần, hỷ, dục) tương ưng tâm ý giới; sắc ý vật làm chỗ nương trú cho 104 ý thức giới sanh trong cõi ngũ uẩn cùng 52 tâm sở tương ưng ý thức giới ấy. Đây gọi là vật tiền sanh y duyên.

Sáu trường hợp vừa kể, theo chú giải gọi là vật tiền sanh y duyên (*vatthupurejātanissayapaccayo*) vì năng duyên trong trường hợp này là 6 sắc vật sanh trước già dặn rồi mới làm chỗ nương cho nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiết thức, thân thức, ý giới và ý thức giới được.

Trường hợp vật tiền sanh y duyên thứ sáu có thêm một duyên khác nữa, đó là vật cảnh tiền sanh y duyên (*vatthārammaṇapurejātanissayapaccayo*), nghĩa là sắc ý vật thời bình nhật sanh trước trợ cho ý giới và ý thức giới bằng vật tiền sanh y duyên, nhưng có trường hợp lộ ý môn cận tử bắt lấy ý vật cận tử làm cảnh, do đó trường hợp này sắc ý vật cận tử vừa là trợ cho 43 tâm lộ ý môn cận tử và 44 tâm sở hợp bằng “vật tiền sanh y duyên”, cũng vừa là trợ cho 43 tâm ấy bằng “cảnh duyên”, gọi chung lại là trợ bằng “vật cảnh tiền sanh y duyên”.

*

9. Cận y duyên (*Upanissayapaccayo*)

Cận y duyên là mãnh lực trợ duyên bằng cách làm chỗ nương có sức ảnh hưởng lớn, năng là yếu tố trợ sanh cho sở một cách mạnh mẽ.

Cận y duyên (*upanissayapaccaya*) và y chỉ duyên (*nissayapaccaya*) khác nhau thế nào? Cận y duyên là giúp làm chỗ nương, như cha mẹ làm chỗ nương cho con cái; còn y chỉ duyên là giúp làm chỗ nương như bạn đồng hành nương nhau trong cuộc hành trình.

Dựa vào chi pháp chánh tạng giải thích, chú giải phân tích cận y duyên có 3 trường hợp là Cảnh cận y duyên (*ārammaṇūpanissayapaccaya*), Vô gián cận y duyên (*anantarūpanissayapaccaya*), Thường cận y duyên (*pakatūpanissayapaccaya*).

Chánh tạng giải thích:

Upanissayapaccayo'ti - Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo - Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ kesañci upanissayapaccayena paccayo - Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo - Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo - Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ kesañci upanissayapaccayena paccayo - Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo - Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ abyākatānaṃ dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo - Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo - Purimā purimā abyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo - Utubhojanampi upanissayapaccayena paccayo - Puggalopi upanissayapaccayena paccayo - Senāsanampi upanissayapaccayena paccayo.

Gọi là cận y duyên, như – Các pháp thiện sanh trước trước trợ các pháp thiện sanh sau sau bằng cận y duyên – Các pháp thiện sanh trước trước trợ một vài pháp bất thiện nào đó sanh sau sau bằng cận y duyên – Các pháp thiện sanh trước trước trợ các pháp vô ký sanh sau sau bằng cận y duyên – Các pháp bất thiện sanh trước trước trợ các pháp bất thiện sanh sau sau bằng cận y duyên – Các pháp bất thiện sanh trước trước trợ một vài pháp thiện nào đó sanh sau sau bằng cận y duyên – Các pháp bất thiện sanh trước trước trợ các pháp vô ký sanh sau sau bằng cận y duyên – Các pháp vô ký sanh trước trước trợ các pháp vô ký sanh sau sau bằng cận y duyên – Các pháp vô ký sanh trước trước trợ các pháp thiện sanh sau sau bằng cận y duyên – Các pháp vô ký sanh trước trước trợ các pháp bất thiện sanh sau sau bằng cận y duyên –

Thời tiết, vật thực cũng trợ được bằng cận y duyên – Người cũng trợ được bằng cận y duyên – Trú xứ cũng trợ được bằng cận y duyên.

Chú giải:

- Các pháp thiện sanh trước trước trợ các pháp thiện sanh sau sau bằng cận y duyên. Trường hợp này có 3 duyên phụ:

a. Cảnh cận y duyên: như là sau khi bố thí, trì giới, tu thiền,... sau nhớ lại khởi lên tâm hoan hỷ.

b. Vô gián cận y duyên: như là trong lộ tâm có đồng lực thiện, đồng lực kế trước trợ đồng lực kế sau tiếp nối...

c. Thường cận y duyên: như là người đã từng làm thiện, tâm thiện ấy trợ tâm thiện về sau dễ dàng.

- Các pháp thiện sanh trước trước trợ một vài pháp bất thiện nào đó sanh sau sau bằng cận y duyên. Trường hợp này chỉ có hai duyên phụ:

a. Cảnh cận y duyên: như là sau khi bố thí, trì giới, tu thiền, nhớ lại thích thú rồi khởi lên tham, tà kiến, mạn, lấy thiện làm cảnh trượng.

b. Thường cận y duyên: như là người có thói quen làm thược rồi tham muốn, tà kiến, mạn, nghi, hoặc sân hối sanh khởi.

- Các pháp thiện sanh trước trước trợ các pháp vô ký sanh sau sau bằng cận y duyên. Trường hợp này có 3 duyên phụ:

a. Cảnh cận y duyên: như là vị A la hán phản kháng tâm tứ đạo đã chứng; Tâm tứ đạo là pháp thiện sanh trước trước làm cảnh trượng trợ 4 tâm đại tổ hợp trí.

b. Vô gián cận y duyên: như là sát na đồng lực thiện kết thúc trợ cho sát na mót cảnh hay sát na hữu phần kế sau.

c. Thường cận y duyên: như là hành thiện bố thí, trì giới, tu thiền cũng trợ sanh tâm thức thọ lạc hoặc thọ khổ, ..v.v..

- Các pháp bất thiện sanh trước trước trợ các pháp bất thiện sanh sau sau bằng cận y duyên. Trường hợp này có ba duyên phụ:

a. Cảnh cận y duyên, pháp bất thiện đã khởi lên làm cảnh trường cho tâm bất thiện sanh sau sau, như người tà dâm nhớ lại cang sanh tâm tham muốn.

b. Vô gián cận y duyên, trong lộ tâm có đồng lực bất thiện, đồng lực trước trợ đồng lực sau sanh tiếp nối.

c. Thường cận y duyên, nét quen tham, quen sân rồi trợ cho tâm tham, tâm sân sanh khởi dễ dàng.

- Các pháp bất thiện sanh trước trước trợ một vài pháp thiện nào đó sanh sau bằng cận y duyên. Trường hợp này chỉ là thường cận y duyên thôi vì pháp bất thiện không thể là cảnh trường của tâm thiện, và cũng không thể là vô gián duyên trong một lộ trình tâm được.

Bất thiện trợ thiện bằng thường cận y duyên như là có người bị phiền não dày vò liền thức tỉnh tu tập làm các công đức, hay có người càng buồn khổ càng tinh tấn ..vv..

- Các pháp bất thiện sanh trước trước trợ các pháp vô ký sanh sau sau bằng cận y duyên. Trường hợp này có hai duyên phụ:

a. Vô gián cận y duyên: trong một lộ tâm có đồng lực bất thiện, sát na đồng lực cuối trợ sát na tâm mót cảnh hay tâm hữu phần sanh kế tiếp, gọi là tâm bất thiện trợ vô ký bằng vô gián cận y duyên.

b. Thường cận y duyên: như nghiệp bất thiện tạo ra tâm quả bất thiện, hay khi tham ái, sân hận sanh khởi cũng khiến sanh thân khổ, thân lạc được bằng thường cận y duyên.

- Các pháp vô ký sanh trước trước trợ các pháp vô ký sanh sau sau bằng cận y duyên. Trường hợp này có ba duyên phụ:

a. Cảnh cận y duyên. Tức là pháp vô ký làm cảnh trường trợ đồng lực vô ký. Như Níp bàn là cảnh trường trợ tâm quả siêu thế hay như tâm tứ quả và Níp bàn là cảnh trường trợ tâm đại tổ hợp trí khi vị A la hán phản khán (hồi quán)...

b. Vô gián cận y duyên. Tức là sát na tâm vô ký trước diệt trợ sát na tâm vô ký sau sanh lên, như là tâm khai ngũ môn trợ tâm nhãn thức, tâm nhãn thức trợ tâm tiếp thân ..v.v..

c. Thường cận y duyên. Như thân thọ khổ hay thọ lạc có thể trợ sanh tâm tố, hoặc trợ duyên cho bậc thánh nhập thiền quả được.

- Các pháp vô ký sanh trước trước trợ các pháp thiện sanh sau sau bằng cận y duyên. Trường hợp này có ba duyên phụ:

a. Cảnh cận y duyên. Như các bậc hữu học phản khán tâm quả siêu thế đã đắc. Tâm sơ quả, tâm nhị quả, tâm tam quả là cảnh trường trợ tâm đại thiện hợp trí của bậc hữu học.

b. Vô gián cận y duyên. Như trong lộ tâm, sát na khai ý môn trợ đồng lực thiện sanh kế sau.

c. Thường cận y duyên. Như là khi thấy, nghe, người, nếm, đụng, quen quán niệm vô thường, khổ, vô ngã nên sau khi mỗi tác ý đến tam tướng thì tâm thiện hợp trí khởi sanh dễ dàng.

- Các pháp vô ký sanh trước trước trợ các pháp bất thiện sanh sau sau bằng cận y duyên. Trường hợp này có ba duyên phụ:

a. Cảnh cận y duyên. Tức là 6 cảnh vô ký (sắc, thính, khí, vị, xúc, pháp) thành cảnh hấp dẫn trợ tham sanh khởi....

b. Vô gián cận y duyên. Như trong lộ tâm, sát na tâm khai ý môn (hoặc tâm xác định) trợ sát na đồng lực bất thiện sanh tiếp nối.

c. Thường cận y duyên. Như là do thường gặp cảnh sắc, thính, khí, vị, xúc nên sanh tâm tham, tâm sân, tâm tà kiến,...

- Thời tiết cũng trợ tâm sanh bằng thường cận y duyên. Như thời tiết mát mẻ dễ sanh tâm thiện; thời tiết nóng bức dễ sanh tâm bất thiện.

- Vật thực cũng trợ tâm sanh bằng thường cận y duyên: Như thức ăn hiền dễ sanh tâm tịnh hảo; ăn thức ăn không lành cũng dễ sanh tâm bất thiện.

- Người thân cận cũng trợ tâm sanh bằng thường cận y duyên. Như thường gần bạn tốt sẽ giúp tiến hóa; thường giao du bạn xấu bị nhiễm thói hư...

- Trú xứ cũng trợ tâm sanh bằng thường cận y duyên. Như chỗ ở sạch sẽ, thoáng mát cũng dễ sanh tâm thiện; còn chỗ ở chật chội, bừa bãi, hôi hám cũng dễ sanh tâm bất thiện.

10. Tiền sanh duyên (*Purejātapaccayo*)

Tiền sanh duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách sanh trước. Như mặt trăng mặt trời đã có từ lúc hình thành thái dương hệ, chúng tỏa sáng trợ sự sống của muôn loài trên trái đất. Mặt trăng mặt trời có trước trợ giúp muôn loài đang sống trên mặt đất là thí dụ ý nghĩa tiền sanh duyên.

Dựa vào chi pháp chánh tạng giải thích, số giải phân tích Tiền sanh duyên thành ba duyên phụ là cảnh tiền sanh duyên (*ārammaṇapurejātapaccaya*), vật tiền sanh duyên (*vatthupurejātapaccaya*), vật cảnh tiền sanh duyên (*vatthārammaṇapurejātapaccaya*).

Chánh tạng giải thích:

Purejātapaccayo 'ti - Rūpāyatanam cakkhaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ purejātapaccayena paccayo - Saddāyatanam sotaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ purejātapaccayena paccayo - Gandhāyatanam ghānaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ purejātapaccayena paccayo - Rasāyatanam jivhāviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ purejātapaccayena paccayo - Phoṭṭhabbāyatanam kāyaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ purejātapaccayena paccayo - Rūpāyatanam saddāyatanam gandhāyatanam rasāyatanam phoṭṭhabbāyatanam manodhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ - purejātapaccayena paccayo - Cakkhāyatanam cakkhaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañ ca dhammānaṃ purejātapaccayena paccayo - Sotāyatanam sotaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ purejātapaccayena paccayo - Ghānāyatanam ghānaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañ-ca dhammānaṃ purejātapaccayena paccayo - Jivhāyatanam jivhāviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ purejātapaccayena paccayo - Kāyāyatanam kāyaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ purejātapaccayena paccayo - Yaṃ rūpaṃ nissāya manodhātu ca manoviññāṇadhātu ca vattanti taṃ rūpaṃ manodhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ purejātapaccayena paccayo, manoviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ kiñci kāle purejātapaccayena paccayo kiñci kāle na purejātapaccayena paccayo

Gọi là tiền sanh duyên như – Sắc xứ trợ nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng tiền sanh duyên – Thinh xứ trợ nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng tiền sanh duyên – Khí xứ trợ tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng tiền sanh duyên – Vị xứ trợ thiết thức giới và các pháp tương ưng bằng tiền sanh duyên – Xúc xứ trợ thân thức giới và các pháp tương ưng bằng tiền sanh duyên – sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ trợ ý giới và các pháp tương ưng bằng tiền sanh duyên – Nhãn xứ trợ nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng tiền sanh duyên – Nhĩ xứ trợ nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng tiền sanh duyên – Tỷ xứ trợ tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng tiền sanh duyên – Thiết xứ trợ thiết thức giới và các pháp tương ưng bằng tiền sanh duyên – Thân xứ trợ thân thức giới và các pháp tương ưng bằng tiền sanh duyên – Ý giới và ý thức giới sinh diễn nương vào sắc nào, thì sắc ấy trợ ý giới và các pháp tương ưng bằng tiền sanh duyên; Sắc ấy đôi khi có trợ ý thức giới và các pháp tương ưng bằng tiền sanh duyên, cũng đôi khi không trợ bằng tiền sanh duyên.

Chú giải:

Sắc xứ là sắc cảnh sắc, thinh xứ là sắc cảnh thinh, khí xứ là sắc cảnh khí, vị xứ là sắc cảnh vị, xúc xứ là sắc cảnh xúc (tức là 3 sắc đại hiện trừ thủy đại). Năm cảnh này hiện khởi trước mới trợ cho ngũ song thức và 3 tâm ý giới, cùng các tâm sở tương ứng với ngũ song thức và ý giới. Đây gọi là cảnh tiền sanh duyên (*ārammaṇapurejātapaccayo*).

Nhãn xứ là sắc nhãn vật, nhĩ xứ là sắc nhĩ vật, tỷ xứ là sắc tỷ vật, thiết xứ là sắc thiết vật, thân xứ là sắc thân vật, sắc trú căn của ý giới và ý thức giới cõi ngũ uẩn là sắc ý vật. Sáu sắc vật này đã sanh trước đến khoảng trung thọ (*majjhimāyu*) mới trợ cho ngũ song thức, ý giới, và có thể trợ ý thức giới, bằng vật tiền sanh duyên (*vatthupurejātapaccayo*).

Trường hợp sắc ý vật cận tử trợ 43 tâm lộ ý môn cận tử, mà 43 tâm lộ ấy bắt lấy sắc ý vật làm cảnh, thì đây gọi là vật cảnh tiền sanh duyên (*vatthārammaṇapurejātapaccayo*).

11. Hậu sanh duyên (*Pacchājātapaccayo*)

Hậu sanh duyên là sự trợ duyên bằng mãnh lực sanh sau. Như nhà cửa được trang hoàng tươm tất vì sắp đến ngày tết. Ngày tết sẽ diễn ra là nguyên nhân (năng) trợ duyên cho việc trang hoàng nhà cửa (sở).

Chánh tạng giải thích:

Pacchājātapaccayo 'ti - pacchājātā cittacetāsikā dhammā purejātassa imassa kāyassa pacchājātapaccayena paccayo.

Gọi là hậu sanh duyên – Như các pháp tâm và tâm sở sanh sau trợ cho thân sanh trước này bằng hậu sanh duyên.

Chú giải:

Các pháp tâm và tâm sở sanh sau, nghĩa là các sát na tâm pháp sẽ tiếp nối sanh sau làm điều kiện duy trì sắc thân đã sanh không hư hoại bằng mãnh lực hậu sanh duyên.

Cũng có nghĩa là nhãn thức giới sẽ sanh, trợ cho sắc nhãn vật sanh trước; nhĩ thức giới sẽ sanh, trợ cho sắc nhĩ vật sanh trước; Tỷ thức giới sẽ sanh, trợ cho sắc tỷ vật sanh trước; Thiệt thức giới sẽ sanh, trợ cho sắc thiệt vật sanh trước, Thân thức giới sẽ sanh trợ cho sắc thân vật sanh trước; Ý giới và ý thức giới sẽ sanh, trợ cho sắc ý vật sanh trước ... bằng mãnh lực hậu sanh duyên.

(còn tiếp)

Biên soạn giáo trình: Tỳ kheo Tuệ Siêu

Bài 64.

Chương VIII. TOÁT YẾU DUYÊN TRỢ (Paccayasāṅgaha) **PHẦN I: ĐỊNH LÝ DUYÊN HỆ (Paṭṭhānanayo) “tiếp theo”**

12. Trùng dụng duyên (Āsevanapaccayo)

Trùng dụng duyên là mãnh lực trợ duyên trùng lập nhiều lần một thứ tâm đồng lực thiện, hay bất thiện, hay tố trong lộ trình tâm. Được thí dụ như công việc làm được thuần thục nhờ thao tác lặp đi lặp lại nhiều lần.

Trùng dụng duyên cũng là hình thức vô gián duyên; vô gián duyên của dòng tâm thức tiếp nối nhau đến chặng đồng lực thì gọi là trùng dụng duyên.

Chánh tạng giải thích:

Āsevanapaccayo 'ti - Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃpacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ āsevanapaccayena paccayo - Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ āsevanapaccayena paccayo - Purimā purimā kiriyābyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kiriyābyākatānaṃ dhammānaṃ āsevanapaccayena paccayo.

Gọi là trùng dụng duyên, như – Các pháp thiện sanh kế trước trợ các pháp thiện sanh kế sau bằng trùng dụng duyên – Các pháp bất thiện sanh kế trước trợ các pháp bất thiện sanh kế sau bằng trùng dụng duyên – Các pháp vô ký tố sanh kế trước trợ các pháp vô ký tố sanh kế sau bằng trùng dụng duyên.

Chú giải:

Trong lộ tâm có chặng đồng lực thiện, sát na đồng lực trước làm năng duyên trợ sát na đồng lực sau làm sở duyên, cùng giống thiện gọi là thiện trợ thiện bằng trùng dụng duyên.

Trong lộ tâm có chặng đồng lực bất thiện, sát na đồng lực trước làm năng duyên trợ sát na đồng lực sau làm sở duyên, cùng giống bất thiện, gọi là bất thiện trợ bất thiện bằng trùng dụng duyên.

Trong lộ tâm có đồng lực tố, sát na đồng lực trước làm năng duyên trợ sát na đồng lực sau làm sở duyên, cùng giống vô ký tố, gọi là vô ký trợ vô ký bằng trùng dụng duyên.

*

13. Nghiệp duyên (*Kamma**paccayo*)

Nghiệp duyên là sự trợ giúp bằng mãnh lực điều hành tạo tác. Chính *cetanā* (Tur tâm sở) là vai trò nghiệp (*Kamma*), có Phật ngôn rằng: *Cetanā'ham bhikkhave kammaṃ vadāmi* – Nay chư Tỳ kheo, ta nói Tur là nghiệp. Tur (*cetanā*) được ví như người thợ cái trong cơ sở sản xuất, anh ta điều hành mọi người làm việc và tạo ra sản phẩm.

Có ba loại nghiệp duyên: Dị thời nghiệp duyên (*Nānakkāṇikakamma**paccaya*), Vô gián nghiệp duyên (*Anantarapaccaya*), câu sanh nghiệp duyên (*Sahajātapaccaya*).

Chánh tạng giải thích:

*Kamma**paccayo'ti - Kusalākusalaṃ kammaṃ vipākānaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ kamma**paccayena paccayo - Cetanā sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamutṭhānānañca rūpānaṃ kamma**paccayena paccayo.*

Gọi là nghiệp duyên, như là – Nghiệp thiện và bất thiện trợ tạo các danh uẩn quả và các sắc nghiệp bằng nghiệp duyên – Tur trợ các pháp tương ưng và các sắc tâm bằng nghiệp duyên.

Chú giải:

Tur tâm sở tương ưng 12 tâm bất thiện, chính là nghiệp bất thiện (*akusalakamma*). Nghiệp bất thiện này tạo ra bốn danh uẩn quả bất thiện, cùng 18 sắc nghiệp cõi khổ. Tur trợ quả danh sắc ấy gọi là dị thời nghiệp duyên.

Tur tâm sở tương ưng 37 tâm thiện, chính là nghiệp thiện (*kusalakamma*). Nghiệp thiện dục giới và sắc giới tạo ra bốn danh uẩn quả và sắc nghiệp tục sinh

trong cõi vui ngũ uẩn; Nghiệp thiện vô sắc giới chỉ trợ tạo danh uẩn quả tục sinh cõi vô sắc, không tạo ra sắc nghiệp. Nghiệp thiện siêu thế, (Tur trong tâm thiện siêu thế) trợ sanh quả siêu thế, đây là trường hợp đặc biệt. Tâm đạo không phải là nghiệp luân hồi (*kammavaṭṭa*), tâm quả siêu thế không phải là quả luân hồi.

Vì rằng Tur (*cetanā*) thiện siêu thế cũng trợ sanh quả siêu thế nên vẫn gọi là nghiệp duyên. Mặt khác, theo chú giải giải thích: Tâm đạo (*maggacitta*) trợ tâm quả (*phalacitta*) liền kề trong lộ tâm đắc đạo quả, gọi là vô gián nghiệp duyên (*anantarakammappaccaya*); Mãnh lực tâm đạo trợ tâm quả khởi lên về sau khi nhập thiền quả (*phalasaṃpatti*) thì đây gọi là dị thời nghiệp duyên (*nānakkaṇṭhikakammappaccaya*).

Tur tâm sở trong 121 tâm còn có vai trò điều hành tâm và tâm sở tương ưng với nó, và trợ tạo sắc tâm đồng sanh. Trường hợp này gọi là câu sanh nghiệp duyên (*sahajātakammappaccaya*).

*

14. Quả duyên (*Vipākapaccayo*)

Quả duyên là sự trợ giúp bằng vai trò dị thực của nghiệp. Nghiệp tạo ra tâm quả, bốn danh uẩn quả lại tương trợ lẫn nhau. Cũng ví như bốn người đi lạc trong rừng, họ đồng cảnh ngộ giúp nhau, nương tựa nhau vậy.

Chánh tạng giải thích:

Vipākapaccayo 'ti vipākā cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ vipākapaccayena paccayo.

Gọi là quả duyên, tức bốn danh uẩn quả trợ giúp lẫn nhau bằng quả duyên.

Chú giải:

Bốn danh uẩn quả ở đây là 52 tâm quả và 38 tâm sở tương ưng.

Trợ giúp lẫn nhau nghĩa là một uẩn trợ ba uẩn, ba uẩn trợ một uẩn, hai uẩn trợ hai uẩn.

Đó là quả duyên phần chính, còn phần phụ là bốn uẩn quả trợ sắc tâm đồng sanh bằng quả duyên – Trong sát na tục sinh cõi ngũ uẩn, uẩn quả tái tục trợ sắc nghiệp tái tục cũng bằng quả duyên.

*

15. Vật thực duyên (*Āhārapaccayo*)

Vật thực là mãnh lực trợ duyên bằng cách nuôi lớn, làm điều kiện cho sở duyên sanh khởi và phát triển. Như đất nuôi cây cỏ vậy.

Vật thực duyên có hai duyên chia theo chi pháp là Sắc vật thực duyên (*rūpāhārapaccaya*) và Danh vật thực duyên (*nāmāhārapaccaya*).

Chánh tạng giải thích:

Āhārapaccayo'ti - Kabaḷīṅkāro āhāro imassa kāyassa āhārapaccayena paccayo – Arūpino āhārā sampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānaṃca rūpānaṃ āhārapaccayena paccayo.

Gọi là vật thực duyên, như – Đoàn thực trợ thân này bằng vật thực duyên – Các phi sắc thực trợ các pháp tương ưng và các sắc tâm bằng vật thực duyên.

Chú giải:

Có 4 loại vật thực là Đoàn thực (*kabaḷīṅkārahāra*), Xúc thực (*phassāhāra*), Tư niệm thực (*sañcetanāhāra*) và Thức thực (*viññāṇāhāra*).

Đoàn thực là sắc vật thực; vật thực ngoại là cơm, bánh, rau, trái... để nhai ăn; vật thực nội là dưỡng tố (*oja*) trong bốn sắc bất ly. Cả hai thứ sắc vật thực này là năng duyên trợ nuôi dưỡng thân sắc uẩn này, gọi là sắc vật thực duyên (*rūpāhārapaccaya*).

Xúc thực là tâm sở xúc, là thức ăn cho thọ uẩn.

Tư niệm thực là tâm sở tư, là thức ăn cho tâm quả.

Thức thực là tất cả tâm, là thức ăn cho các tâm sở tương ưng và sắc tâm.

Tuy vậy, ba danh thực (*nāmāhara*) này vẫn làm năng duyên trợ chung cho sở duyên là làm tâm, tâm sở, sắc tâm và sắc nghiệp tái tục bằng danh vật thực duyên (*nāmāhārapaccaya*).

*

16. Quyền duyên (*Indriyapaccayo*)

Quyền duyên là mãnh lực trợ giúp bằng chức năng quản lý. Cũng như vị bộ trưởng quản lý những bộ phận trong guồng máy cai trị, theo sở trường chuyên môn của họ vậy.

Quyền duyên theo chi pháp chánh tạng giải thích thì phân thành ba duyên là vật tiền sanh duyên (*Vatthupurejātindriyapaccaya*), Sắc mạng quyền duyên (*Rūpajīvitindriya*), Câu sanh quyền duyên (*Sahajātindriya*).

Chánh tạng giải thích:

Indriyapaccayo'ti - Cakkhundriyaṃ cakkhaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ indriyapaccayena paccayo - Sotindriyaṃ sotaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ indriyapaccayena paccayo - Ghānindriyaṃ ghānaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ jndriyapaccayena paccayo - Jivhindriyaṃ jivhāviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ indriyapaccayena paccayo - Kāyindriyaṃ kāyaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ indriyapaccayena paccayo - Rūpajīvitindriyaṃ kaṭattārūpānaṃ indriyapaccayena paccayo - Arūpino indriyā sampayuttakānañca dhammānaṃ taṃsamutṭhānānañca rūpānaṃ indriyapaccayena paccayo.

Gọi là quyền duyên, như – Nhãn quyền trợ nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng quyền duyên – Nhĩ quyền trợ nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng quyền duyên – Tỷ quyền trợ tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng quyền duyên – Thiết quyền trợ thiết thức giới và các pháp tương ưng bằng quyền duyên – Thân quyền trợ thân thức giới và các pháp tương ưng bằng quyền duyên – Sắc mạng quyền trợ các sắc nghiệp bằng quyền duyên – Các quyền phi sắc trợ các pháp tương ưng và các sắc tâm bằng quyền duyên.

Chú giải:

Trong 22 quyền (*bāvīsatindriyāni*) ở chương VI – Toát yếu tương tập, hai sắc tính (nữ quyền và nam quyền) không thành quyền duyên. Các quyền ngoài ra hai sắc tính thì thành quyền duyên.

Năm quyền: Nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền trợ cho 5 thức (nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới) và 7 tâm sở phối hợp ngũ song thức bằng quyền duyên. Đây gọi là vật tiền sanh quyền duyên, vì nhãn quyền, ..v.v.. là năm sắc vật sanh trước đủ lực trợ ngũ song thức và thời điểm trung thọ.

Mạng quyền (*jīvitindriyam*) trong 22 quyền là tâm sở mạng quyền (*jīvitindriyacetasika*) và sắc mạng quyền (tức sắc mạng – *jīvitarūpa*).

Sắc mạng quyền trợ các sắc nghiệp đồng bọn (*kalāpa*) bằng quyền duyên. Đây gọi là sắc mạng quyền duyên.

Các quyền phi sắc hay danh quyền (*arūpinoindriyā*) gồm có 15 quyền trong 22 quyền:

Mạng quyền tức tâm sở mạng quyền.

Ý quyền tức 121 tâm.

Lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu quyền, xả quyền, 5 quyền này chi pháp là tâm sở thọ.

Tín quyền, tức tâm sở tín.

Tán quyền, tức tâm sở cần.

Niệm quyền, tức tâm sở niệm.

Định quyền, tức tâm sở nhất hành.

Tuệ quyền, tri vị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền, 4 quyền này chung chi pháp là tâm sở trí tuệ.

Mười lăm danh quyền có tám chi pháp.

Tám danh quyền trợ các pháp đồng sanh với chúng, và trợ các sắc tâm hữu quyền bằng quyền duyên. Đây gọi là câu sanh quyền duyên.

(còn tiếp)

Biên soạn giáo trình: Tỳ kheo Tuệ Siêu

Bài 65.

Chương VIII. TOÁT YẾU DUYÊN TRỢ (Paccayasāṅgha) **PHẦN I: ĐỊNH LÝ DUYÊN HỆ (Paṭṭhānanayo) “tiếp theo”**

17. Thiền na duyên (*Jhānapaccaya*)

Những pháp như tầm (*vitakka*), tứ (*vicāra*), hỷ (*pīti*), nhất hành (*ekaggatā*), thọ hỷ (*somanassa*), thọ ưu (*domanassa*) và thọ xả (*upekkhā*), những pháp này có đặc tính thiêu hủy pháp đối lập (*paccanikajhāpanam*) gọi là thiền na hay chi thiền (*jhānaṅga*).

Chánh tạng giải thích:

Jhānapaccayo'ti jhānaṅgāni jhānasampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ jhānapaccayena paccayo.

Gọi là thiền duyên, tức là những chi thiền trợ các pháp tương ưng thiền và các sắc tâm bằng thiền na duyên.

Chú giải:

Bảy chi thiền đây thuộc pháp hỗn hợp (*missakasaṅgha*) phối hợp cả tâm thiện, tâm bất thiện và tâm vô ký nên thiền na duyên có cả chi thiền thiện trợ tâm thiện với tâm sở tương ưng và sắc tâm thiện; chi thiền bất thiện trợ tâm bất thiện với tâm sở tương ưng, và sắc tâm bất thiện; chi thiền vô ký trợ tâm vô ký với tâm sở tương ưng và các sắc tâm vô ký, sắc nghiệp tái tục.

Tâm sở thọ và tâm sở nhất hành trong 10 thức tâm không thành chi thiền và không có mãnh lực trợ pháp đồng sanh bằng thiền na duyên.

18. Đồ đạo duyên (*Maggapaccayo*)

Những pháp như cần (*virīya*), nhất hành (*ekaggata*), tầm (*vitakka*), niệm (*sati*), chánh ngữ (*sammāvācā*), chánh nghiệp (*sammākammanta*), chánh mạng (*sammā āvījā*), trí tuệ (*paññā*), và tà kiến (*diṭṭhigata*), những pháp này có đặc tính dẫn lối đưa đường, gọi là đồ đạo (*magga*) hay chi đạo (*maggaṅga*).

Chánh tạng giải thích:

Maggapaccayo'ti - Maggaṅgāni maggasampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃsamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ maggapaccayena paccayo.

Gọi là đồ đạo duyên, tức là những chi đạo trợ các pháp tương ưng đạo và các sắc tâm bằng đồ đạo duyên.

Chú giải:

Chín chi đạo đây thuộc pháp hỗn hợp (*missakasaṅgha*) phối hợp cả tâm thiện, tâm bất thiện và tâm vô ký nên đồ đạo duyên có cả chi đạo thiện trợ tâm thiện với tâm sở tương ưng, và sắc tâm thiện; Chi đạo bất thiện trợ tâm bất thiện với tâm sở tương ưng, và sắc tâm bất thiện; Chi đạo vô ký trợ tâm vô ký với tâm sở tương ưng, và sắc tâm vô ký, sắc nghiệp tái tục.

Tâm sở nhất hành trong tâm vô nhân không thành chi đạo và không có mãnh lực trợ pháp đồng sanh bằng đồ đạo duyên. Tâm sở tầm và tâm sở cần trong tâm ý giới và ý thức giới vô nhân cũng không thành chi đạo và không có mãnh lực đồ đạo duyên.

*

19. Tương ưng duyên (*Sampayuttapaccayo*)

Tương ưng duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách hòa quyện với nhau, như ly trà sữa có vị của trà, có vị của sữa, vị ngọt của đường và nước nóng hòa quyện lẫn nhau tạo nên món trà sữa thơm ngon. Chỉ có danh uẩn với danh uẩn mới tương ưng duyên với nhau thôi.

Chánh tạng giải thích:

*Sampayuttapaccayo 'yi cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ
sampayuttapaccayena paccayo.*

Gọi là tương ưng duyên, tức là bốn uẩn phi sắc trợ giúp lẫn nhau bằng tương ưng duyên.

Chú giải:

Bốn uẩn phi sắc đây là bốn danh uẩn (thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, và thức uẩn).

Bốn danh uẩn này, thức uẩn là tâm, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn là tâm sở. Tâm và tâm sở đồng sanh, đồng diệt, đồng nương vật, đồng biết một cảnh nên chúng trợ lẫn nhau bằng cách tương ưng duyên.

*

20. Bất tương ưng duyên (*Vippayuttapaccayo*)

Bất tương ưng duyên là sự trợ giúp nhau nhưng không hòa quyện nhau, tức là danh trợ sắc, sắc trợ danh, danh sắc trợ nhau mà không tương ưng. Như món đồ trang sức bằng vàng nạm đá quý, vàng làm nổi bậc viên đá quý, các viên đá quý làm vàng óng ánh, nhưng vàng và đá quý không hòa tan với nhau được.

Chánh tạng giải thích:

*Vippayuttapaccayo 'ti – Rūpino dhammā arūpīnaṃ dhammānaṃ
vippayuttapaccayena paccayo – Arūpino dhammā rūpīnaṃ dhammānaṃ
vippayuttapaccayena paccayo.*

Gọi là bất tương ưng duyên, tức là các pháp sắc trợ các pháp phi sắc bằng bất tương ưng duyên – Các pháp phi sắc trợ các pháp sắc bằng bất tương ưng duyên.

Chú giải:

Các pháp sắc (*rūpino dhammā*) là 28 sắc pháp.

Các pháp phi sắc (*arūpino dhammā*) là danh pháp – tâm và tâm sở.

Sắc pháp trợ danh pháp bằng bất tương ưng duyên, nói theo chi pháp thì bằng ba duyên là:

a. Câu sanh bất tương ưng duyên (*Sahajātavippayuttapaccaya*) – vào sát na tái tục, sắc nghiệp ý vật tái tục trợ tâm quả tái tục, gọi là sắc trợ danh bằng câu sanh bất tương ưng duyên.

b. Vật tiền sanh bất tương ưng duyên (*Vatthupurejātavippayuttapaccaya*) – Nhân vật, nhĩ vật, tỷ vật, thiết vật, thân vật và ý vật sanh trước đủ mạnh trợ cho tâm và tâm sở nương sanh, đó gọi là sắc trợ danh bằng vật tiền sanh bất tương ưng duyên.

c. Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên (*Vatthārammaṇapurejātavippayuttapaccaya*) – Sắc ý vật cận tử sanh lần cuối trước tâm tử 17 sát na, sắc ý vật ấy trợ 41 tâm và 44 tâm sở trong lộ ý môn cận tử, bắt sắc ý vật làm cảnh, đây gọi là sắc trợ danh bằng vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên.

Danh pháp trợ sắc pháp bằng bất tương ưng duyên, nói theo chi pháp thì bằng hai duyên là:

a. Câu sanh bất tương ưng duyên (*Sahajātavippayuttapaccaya*) – Tâm thiện, tâm bất thiện, tâm vô ký (trừ ngũ song thức và 4 quả vô sắc), cùng 52 tâm sở hợp tâm trợ 17 sắc tâm bình nhật, đây gọi là danh trợ sắc bằng câu sanh bất tương ưng duyên; Vào sát na tái tục, tâm quả tái tục và 35 tâm sở hợp tâm quả trợ sắc ý vật tái tục, đây cũng là danh trợ sắc bằng câu sanh bất tương ưng duyên.

b. Hậu sanh bất tương ưng duyên (*Pacchājātavippayuttapaccaya*) – Trong thời bình nhật cõi ngũ uẩn, 117 tâm và 52 tâm sở trợ 4 loại sắc (sắc nghiệp, sắc tâm, sắc quý tiết, sắc vật thực), đây gọi là danh trợ sắc bằng hậu sanh bất tương ưng duyên.

21. Hiện hữu duyên (*Atthipaccayo*)

Hiện hữu duyên là mãnh lực trợ giúp bằng sự có mặt đồng thời. Như phù sa giúp cho đất màu mỡ, chất phù sa theo nước làm tràn ngập đất vườn và lắng đọng mới làm cho đất tốt được. Cũng thế, hiện hữu duyên là năng trợ giúp sở phải đồng thời năng sở cùng hiện hữu.

Chánh tạng giải thích:

Atthipaccayo 'ti.

Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ atthipaccayena paccayo - Cattāro mahābhūtā aññamaññaṃ atthipaccayena paccayo - Okkantikkhaṇe nāmarūpaṃ aññamaññaṃ atthipaccayena paccayo - Cittacetāsikā dhammā cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ atthipaccayena paccayo - Mahābhūtā upādārūpānaṃ atthipaccayena paccayo

Cakkhāyatanam cakkhuviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ atthipaccayena paccayo - Sotāyatanam sotaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ atthipaccayena paccayo - Ghānāyatanam ghānaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ atthipaccayena paccayo - Jivhāyatanam jivhāviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ atthipaccayena paccayo - Kāyāyatanam kāyaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ atthipaccayena paccayo - Yaṃ rūpaṃ nissāya manodhātu ca manoviññāṇadhātu ca vattanti, taṃ rūpaṃ manodhātuyā ca manoviññāṇadhātuyā ca taṃ sampayuttakānañca dhammānaṃ atthipaccayena paccayo.

Rūpāyatanam cakkhuviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ atthipaccayena paccayo - Saddāyatanam sotaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ atthipaccayena paccayo - Gandhā'yatanam ghānaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ atthipaccayena paccayo - Rasāyatanam jivhāviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ atthipaccayena paccayo - Phoṭṭhabbāyatanam kāyaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ atthipaccayena paccayo - Rūpāyatanam saddāyatanam gandhāyatanam rasāyatanam phoṭṭhabbāyatanam manodhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ atthipaccayena paccayo.

Gọi là hiện hữu duyên, như bốn uẩn phi sắc trợ lẫn nhau bằng hiện hữu duyên – Bốn sắc đại hiện trợ lẫn nhau bằng hiện hữu duyên – Vào sát na tục sinh, danh sắc trợ lẫn nhau bằng hiện hữu duyên – Các pháp tâm và tâm sở trợ các sắc tâm sanh bằng hiện hữu duyên – Sắc đại hiện trợ các sắc y sinh bằng hiện hữu duyên.

Nhãn xứ trợ nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên - Nhĩ xứ trợ nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên – Tỷ xứ trợ tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên – Thiệt xứ trợ thiệt thức giới và các pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên – Thân xứ trợ thân thức giới và các pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên – Ý giới và ý thức giới sinh diễn nương sắc nào sắc ấy trợ ý giới, ý thức giới, và các pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên.

Sắc xứ trợ nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên - Thinh xứ trợ nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên - Khí xứ trợ tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên – Vị xứ trợ thiết thức giới và các pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên - Xúc xứ trợ thân thức giới và các pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên – Sắc xứ, thính xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ trợ ý giới và các pháp tương ưng bằng hiện hữu duyên.

Chú giải:

Theo chi pháp chánh tạng thì hiện hữu duyên phân rộng có 7 duyên:

a. Câu sanh hiện hữu duyên (*Sahajātatthipaccaya*), như bốn danh uẩn trợ giúp lẫn nhau; Bốn sắc đại hiện trợ giúp lẫn nhau; vào sát na tục sinh, uẩn quả tái tục trợ sắc ý vật tái tục, sắc ý vật tái tục trợ uẩn quả tái tục; Tâm và tâm sở trợ sắc tâm đồng sanh; Bốn sắc đại hiện trợ các sắc y sinh đồng bộn. Những trường hợp đó gọi là câu sanh hiện hữu duyên.

b. Vật tiền sanh hiện hữu duyên (*Vatthupurejātatthipaccaya*), như nhãn vật trợ tâm nhãn thức và tâm sở hợp; Nhĩ vật trợ tâm nhĩ thức và tâm sở hợp; Tỷ vật trợ tâm tỷ thức và tâm sở hợp; Thiết vật trợ tâm thiết thức và tâm sở hợp; Thân vật trợ tâm thân thức và tâm sở hợp; Sắc ý vật trợ 3 tâm ý giới, 104 ý thức giới và các tâm sở hợp. Sáu vật sanh trước đến trung thọ trợ tâm nương sanh, đó gọi là vật tiền sanh hiện hữu duyên.

c. Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên (*Ārammaṇapurejātatthipaccaya*), như cảnh sắc trợ nhãn thức và tâm sở tương ưng; Cảnh thính trợ nhĩ thức và tâm sở tương ưng; cảnh khí trợ tỷ thức và tâm sở tương ưng; Cảnh vị trợ thiết thức và tâm sở tương ưng; cảnh xúc trợ thân thức và tâm sở tương ưng; Năm cảnh sắc thính khí vị xúc trợ ba ý giới và các tâm sở tương ưng. Năm ngoại cảnh này có trước và tồn tại đến lúc trợ cho tâm và tâm sở sanh, gọi là cảnh tiền sanh hiện hữu duyên.

d. Vật cảnh tiền sanh hiện hữu duyên (*Vatthārammaṇapurejātatthipaccaya*). Trong chi pháp vật tiền sanh hiện hữu duyên, có trường hợp sắc ý vật trợ ý thức giới, nếu là sắc ý vật cận tử làm cảnh cho lộ tâm ý môn cận tử thì gọi là vật cảnh tiền sanh hiện hữu duyên.

Trong chánh tạng giải thích chi pháp hiện hữu duyên không thấy trường hợp Hậu sanh hiện hữu duyên, Vật thực hiện hữu duyên, Quyền hiện hữu duyên. Nhưng trong luận giải paṭṭhāna có nói thêm 3 duyên năng trợ sở bằng cách hiện hữu:

e. Hậu sanh hiện hữu duyên (*Pacchājātatthipaccaya*), như là sắc pháp sanh trước và tồn tại được do nhờ tâm pháp sanh sau trợ giúp, và ở một thời điểm tâm ấy và sắc ấy cùng có mặt, như vậy gọi là hậu sanh hiện hữu duyên.

f. Vật thực hiện hữu duyên (*Āhāratthipaccaya*), như là sắc vật thực trợ các sắc pháp đồng tồn bằng cách vật thực hiện hữu duyên.

g. Quyền hiện hữu duyên (*Indriyatthipaccaya*), tức là sắc mạng quyền trợ các sắc nghiệp đồng tồn bằng cách quyền hiện hữu duyên.

22. Vô hữu duyên (*Natthipaccayo*)

Vô hữu duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách không hiện hữu, vắng mặt. Như sự vắng mặt của mặt trời làm điều kiện cho sự xuất hiện của mặt trăng; Sự băng hà của Phụ Vương là điều kiện cho sự lên ngôi của Thái tử.

Chánh tạng giải thích:

Natthipaccayo'ti samanantaraniruddhā cittacetāsikā dhammā paṭuppannānaṃ cittacetāsikānaṃ dhammānaṃ natthipaccayena paccayo.

Gọi là Vô hữu duyên, như các pháp tâm và tâm sở vừa mới diệt trợ cho các pháp tâm và tâm sở sanh liền tức thì bằng vô hữu duyên.

Chú giải:

Trong lộ trình danh pháp, sát na tâm và tâm sở kế trước vừa diệt có mãnh lực trợ sanh sát na tâm và tâm sở kế sau không gián đoạn bằng vô gián duyên, cũng gọi là vô hữu duyên vì năng không có mặt nhưng có mãnh lực trợ sở sanh khởi.

23. Ly khứ duyên (*Vigatapaccayo*)

Ly khứ duyên là sự trợ giúp bằng cách lìa khỏi, vắng mặt. Ly khứ duyên (*Vigatapaccaya*) đồng nghĩa với Vô hữu duyên (*Natthipaccaya*).

Chánh tạng giải thích:

Vigatapaccayoti samanantaravigatā cittacetāsikā dhammā paṭuppannānaṃ citta cetāsikānaṃ dhammānaṃ vigatapaccayena paccayo.

Gọi là ly khứ duyên, như các pháp tâm và tâm sở vừa mất trợ cho các pháp tâm và tâm sở sanh tiếp nối tức thì bằng ly khứ duyên.

Chú giải:

Ly khứ duyên và vô hữu duyên đều đồng nghĩa với vô gián duyên (*anantarapaccaya*).

Ly khứ duyên và vô hữu duyên chỉ áp dụng cho danh pháp. Trong danh pháp, sát na tâm sau khi sanh khởi khi sát na tâm trước diệt mất.

24. Bất ly duyên (*Avigatapaccayo*)

Bất ly duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách không lia mất, nghĩa là năng duyên đang có mặt trợ sở duyên cùng đồng nghĩa với hiện hữu duyên (*atthipaccaya*).

Chánh tạng giải thích:

Avigatapaccayo 'ti.

Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ avigatapaccayena paccayo - Cattāro mahābhūtā aññamaññaṃ avigatapaccayena paccayo - Okkantikkhaṇe nāmarūpaṃ aññamaññaṃ avigatapaccayena paccayo - Cittacetasikā dhammā cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ avigata paccayena paccayo - Mahābhūtā upādārūpānaṃ avigatapaccayena paccayo

Cakkhāyatanam cakkhaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ avigatapaccayena paccayo - Sotāyatanam sotaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ avigatapaccayena paccayo - Ghāṇāyatanam ghānaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ avigatapaccayena paccayo - Jivhāyatanam jivhāviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ avigatapaccayena paccayo - Kāyāyatanam kāyaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ avigatapaccayena paccayo - Yam rūpaṃ nissāya manodhātu ca manoviññāṇadhātu ca vattanti, taṃ rūpaṃ manodhātuyā ca manoviññāṇadhātuyā ca taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ avigatapaccayena paccayo.

Rūpāyatanam cakkhaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ avigatapaccayena paccayo - Saddāyatanam sotaviññāṇadhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ avigatapaccayena paccayo - Gandhāyatanam

ghānaviññādhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ avigatapaccayena paccayo - Rasāyatanam jivhāviññādhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ avigatapaccayena paccayo - Phoṭṭhabbāyatanam kāyaviññādhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ avigatapaccayena paccayo - Rūpāyatanam saddāyatanam gandhāyatanam rasāyatanam phoṭṭhabbāyatanam manodhātuyā taṃsampayuttakānañca dhammānaṃ avigatapaccayena paccayo.

Gọi là bất ly duyên, như bốn uẩn phi sắc trợ lẫn nhau bằng bất ly duyên – Bốn sắc đại hiện trợ lẫn nhau bằng bất ly duyên – Vào sát na tái tục danh sắc trợ lẫn nhau bằng bất ly duyên – Các pháp tâm và tâm sở trợ các sắc tâm bằng bất ly duyên – Sắc đại hiện trợ các sắc y sinh bằng bất ly duyên.

Nhãn xứ trợ nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng bất ly duyên – Nhĩ xứ trợ nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng bất ly duyên – Tỷ xứ trợ tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng bất ly duyên – Thiệt xứ trợ thiết thức giới và các pháp tương ưng bằng bất ly duyên – Thân xứ trợ thân thức giới và các pháp tương ưng bằng bất ly duyên – Ý giới và ý thức giới sinh diễn nương sắc nào thì sắc ấy trợ ý giới, ý thức giới và các pháp tương ưng bằng bất ly duyên.

Sắc xứ trợ nhãn thức giới và các pháp tương ưng bằng bất ly duyên – Thinh xứ trợ nhĩ thức giới và các pháp tương ưng bằng bất ly duyên – Khí xứ trợ tỷ thức giới và các pháp tương ưng bằng bất ly duyên – Vị xứ trợ thiết thức giới và các pháp tương ưng bằng bất ly duyên – Xúc xứ trợ thân thức giới và các pháp tương ưng bằng bất ly duyên – Sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ trợ ý giới và các pháp tương ưng bằng bất ly duyên.

Chú giải:

Bất ly (*avigata*) là hiện hữu (*atthi*), nên bất ly duyên cũng có nghĩa như hiện hữu duyên.

Hiện hữu duyên phân theo chi pháp, nói rộng có 7 duyên như thế nào thì bất ly duyên cũng nói rộng có 7 duyên như thế, chỉ khác danh từ gọi mà thôi.

Bảy duyên rộng của bất ly duyên là:

a. Câu sanh bất ly duyên (*Sahajātāvigatapaccaya*) có chi pháp và ý nghĩa như Câu sanh hiện hữu duyên.

b. Vật tiền sanh bất ly duyên (*Vatthupurejātāvigatapaccaya*) có chi pháp và ý nghĩa như Vật tiền sanh hiện hữu duyên.

c. Cảnh tiền sanh bất ly duyên (*Ārammaṇapurevigatapaccaya*) có chi pháp và ý nghĩa như Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên.

d. Vật cảnh tiền sanh bất ly duyên (*Vatthārammaṇapurejātāvigatapaccaya*) có chi pháp và ý nghĩa như vật cảnh Tiền sanh hiện hữu duyên.

e. Hậu sanh bất ly duyên (*Pacchājātāvigatapaccaya*) có chi pháp và ý nghĩa như Hậu sanh hiện hữu duyên.

f. Vật thực bất ly duyên (*Āhāraṅvigatapaccaya*) có chi pháp và ý nghĩa như Vật thực hiện hữu duyên.

g. Quyền bất ly duyên (*Indriyāvigatapaccaya*) có chi pháp và ý nghĩa như Quyền hiện hữu duyên.

Biên soạn giáo trình: Tỳ kheo Tuệ Siêu

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: Thắng Pháp Abhidhamma
Bài học ngày 10.3.2022

Bài 66.

Chương VIII. TOÁT YẾU DUYÊN TRỢ (Paccayasāṅgha)
PHẦN I: ĐỊNH LÝ DUYÊN HỆ (Paṭṭhānanayo) “tiếp theo”

• 24 duyên phân tích thành 52 duyên

Trong 24 duyên, có 14 duyên không chia, và 10 duyên chia 38 duyên rộng mới ra 52 duyên. Như sau:

1. (1) Nhân duyên *Hetupaccayo*
2. (2) Cảnh duyên – *Ārammaṇapaccayo*
3. Trưởng duyên – *Adhipatipaccayo*. Chia 3 duyên:
 - (3) Câu sanh trưởng duyên – *Sahajātādhipatipaccayo*
 - (4) Cảnh trưởng duyên – *Ārammaṇadhipatipaccayo*
 - (5) Vật cảnh tiền sanh trưởng duyên
Vatthārammaṇapurejātādhipatipaccayo
4. (6) Vô gián duyên – *Anantarapaccayo*
5. (7) Liên tiếp duyên – *Samanantarapaccayo*
6. (8) Câu sanh duyên – *Sahajātapaccayo*
7. (9) Hỗ tương duyên – *Aññanmaññapaccayo*
8. Y chỉ duyên – *Nissayapaccayo*. Chia 3 duyên:
 - (10) Câu sanh y duyên – *Sahajātanissayapaccayo*
 - (11) Vật tiền sanh y duyên – *Vatthupurejātanissayapaccayo*
 - (12) Vật cảnh tiền sanh y duyên
Vatthārammaṇapurejātanissayapaccayo
9. Cận y duyên – *Upanissayapaccayo*. Chia 3 duyên:
 - (13) Cảnh cận y duyên – *Ārammaṇūpanissayapaccayo*
 - (14) Vô gián cận y duyên – *Anantarūpanissayapaccayo*
 - (15) Thường cận y duyên – *Pakatūpanissayapaccayo*
10. Tiền sanh duyên – *Purejātapaccayo*. Chia 3 duyên:
 - (16) Vật tiền sanh duyên – *Vatthupurejātapaccayo*
 - (17) Cảnh tiền sanh duyên – *Ārammaṇapurejātapaccayo*
 - (18) Vật cảnh tiền sanh duyên – *Vatthārammaṇapurejātapaccayo*
11. (19) Hậu sanh duyên – *Pacchājātapaccayo*
12. (20) Trùng dụng duyên – *Āsevanapaccayo*

13. Nghiệp duyên – *Kamma*paccayo. Chia 3 duyên:
 (21) Câu sanh nghiệp duyên – *Sahajātakamma*paccayo
 (22) Dị thời nghiệp duyên – *Nānakkhanikamma*paccayo
 (23) Vô gián nghiệp duyên – *Anantarakamma*paccayo
14. (24) Quả duyên – *Vipāka*paccayo
15. Vật thực duyên – *Āhāra*paccayo. Chia 2 duyên:
 (25) Sắc vật thực duyên – *Rūpāhāra*paccayo
 (26) Danh vật thực duyên – *Nāmāhāra*paccayo
16. Quyền duyên – *Indriya*paccayo. Chia 3 duyên:
 (27) Câu sanh quyền duyên – *Sahajātindriya*paccayo
 (28) Tiền sanh quyền duyên – *Purejātindriya*paccayo
 (29) Sắc mạng quyền duyên – *Rūpajīvitindriya*paccayo
17. (30) Thiền na duyên – *Jhāna*paccayo
18. (31) Đồ đạo duyên – *Maggā*paccayo
19. (32) Tương ưng duyên – *Sampayutta*paccayo
20. Bất tương ưng duyên – *Vippayutta*paccayo. Chia 4 duyên:
 (33) Câu sanh bất tương ưng duyên – *Sahajātavippayutta*paccayo
 (34) Vật tiền sanh bất tương ưng duyên
*Vatthupurejātavippayutta*paccayo
 (35) Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên
*Vatthārammaṇapurejāvippayutta*paccayo
 (36) Hậu sanh bất tương ưng duyên – *Pacchājātavippayutta*paccayo
21. Hiện hữu duyên – *Atthi*paccayo. Chia 7 duyên:
 (37) Câu sanh hiện hữu duyên – *Sahajātatthi*paccayo
 (38) Vật tiền sanh hiện hữu duyên – *Vatthupurejātatthi*paccayo
 (39) Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên – *Ārammaṇapurejātatthi*paccayo
 (40) Vật cảnh tiền sanh hiện hữu duyên
*Vatthārammaṇapurejātatthi*paccayo
 (41) Hậu sanh hiện hữu duyên – *Pacchājātatthi*paccayo
 (42) Vật thực hiện hữu duyên – *Āhāratthi*paccayo
 (43) Quyền hiện hữu duyên – *Indriyatthi*paccayo
22. (44) Vô hữu duyên – *Natthi*paccayo
23. (45) Ly khứ duyên – *Vigatā*paccayo
24. Bất ly duyên – *Avigatā*paccayo. Chia 7 duyên
 (46) Câu sanh bất ly duyên – *Sahajātāvigatā*paccayo
 (47) Vật tiền sanh bất ly duyên – *Vatthupurejātāvigatā*paccayo
 (48) Cảnh tiền sanh bất ly duyên – *Ārammaṇapurejātāvigatā*paccayo
 (49) Vật cảnh tiền sanh bất ly duyên
*Vatthārammaṇapurejātāvigatā*paccayo

- (50) Hậu sanh bất ly duyên – *Pacchājātāvigatapaccayo*
- (51) Vật thực bất ly duyên – *Āhārāvigatapaccayo*
- (52) Quyền bất ly duyên – *Indriyāvigatapaccayo*

• **52 duyên phân theo 9 giống**

Giống (*jāti*) là đặc tính của pháp duyên trợ. Có 9 giống duyên:

1. Giống câu sanh (*Sahajātujāti*)

Các duyên có đặc tính năng duyên trợ sở duyên bằng cách đồng sanh cùng lúc, các duyên đó thuộc giống câu sanh. Có 15 duyên giống câu sanh là: Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh nghiệp duyên, Dị thực quả duyên, Danh vật thực duyên, Câu sanh quyền duyên, Thiên na duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

2. Giống cảnh (*Ārammaṇāti*)

Những duyên có đặc tính năng giúp sở bằng cách làm đối tượng sở tri cho sở duyên, gọi là những duyên thuộc giống cảnh. Có 12 duyên là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Cảnh cận y duyên, Cảnh tiền sanh duyên, Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sanh bất ly duyên, Vật cảnh tiền sanh trưởng duyên, Vật cảnh tiền sanh y duyên, Vật cảnh tiền sanh duyên, Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên, Vật cảnh tiền sanh hiện hữu duyên, Vật cảnh tiền sanh bất ly duyên.

3. Giống vô gián (*Anantarajāti*)

Những duyên có đặc tính, năng giúp sở bằng cách vắng mặt, trợ sanh tiếp nối không gián đoạn, những duyên ấy thuộc giống vô gián. Có 7 duyên là: Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Vô gián cận y duyên, Trùng dụng duyên, Vô gián nghiệp duyên, Vô hữu duyên, Ly khứ duyên.

4. Giống vật tiền sanh (*Vatthupurejātajāti*)

Những duyên có đặc tính, năng là sắc vật sanh trước đủ mạnh mới trợ cho sở là tâm pháp nương sanh, những duyên ấy thuộc giống vật tiền sanh. Có 6 duyên là: Vật tiền sanh duyên, Vật tiền sanh y duyên, Vật tiền sanh quyền duyên, Vật tiền sanh bất tương ưng duyên, Vật tiền sanh hiện hữu duyên, Vật tiền sanh bất ly duyên.

5. Giống hậu sanh (*Pacchājātajāti*)

Những duyên có đặc tính là năng giúp sở bằng mãnh lực sanh sau làm hậu thuẫn, gọi là những duyên thuộc giống hậu sanh. Có 4 duyên là: Hậu sanh duyên, Hậu sanh bất tương ưng duyên, Hậu sanh hiện hữu duyên, Hậu sanh bất ly duyên.

6. Giống vật thực (*Āhārajāti*)

Duyên có đặc tính, năng giúp sở bằng cách làm thức ăn bồi dưỡng, năng duyên là sắc vật thực, đó gọi là duyên thuộc giống vật thực. Có 3 duyên là: Sắc vật thực duyên, Vật thực hiện hữu duyên, Vật thực bất ly duyên.

7. Giống sắc mạng quyền (*Rūpajīvitindriyajāti*)

Giống duyên này chỉ là sắc mạng quyền làm năng trợ giúp. Có 3 duyên là: Sắc mạng quyền duyên, Quyền hiện hữu duyên, Quyền bất ly duyên.

8. Giống thường cận y (*Pakaṭūpanissayajāti*)

Giống duyên này chỉ có 1 duyên là thường cận y duyên. Kể là một giống duyên bởi đặc tính trợ giúp không có như các trường hợp khác, năng giúp sở bằng mãnh lực thói quen huân tập.

9. Dị thời nghiệp duyên (*Nānakkaṇṇikakammajāti*)

Đây cũng chỉ có 1 duyên giống dị thời nghiệp, nhưng vẫn kể là một giống duyên vì đặc tính khác biệt với mọi trường hợp; Năng duyên như hạt giống tốt xấu tạo ra sở duyên là quả. Một duyên ấy là Dị thời nghiệp duyên.

• 52 duyên phân theo mãnh lực (*satti*)

Mãnh lực (*satti*) là sự tác động của năng duyên đối với sở duyên. Có 3 mãnh lực duyên:

1. Mãnh lực trợ sanh (*Janakasatti*)

Trong 52 duyên, có 9 duyên là mãnh lực trợ sanh: Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly khứ duyên, Thường cận y duyên, Trùng dụng duyên, Dị thời nghiệp duyên, Vô gián nghiệp duyên.

2. Mãnh lực ủng hộ (*Upatthambhakasatti*)

Trong 52 duyên, có 4 duyên là mãnh lực ủng hộ: Hậu sanh duyên, Hậu sanh bất tương ưng duyên, Hậu sanh hiện hữu duyên, Hậu sanh bất ly duyên.

3. Mãnh lực bảo tồn (*Anupālakasatti*)

Trong 52 duyên có 3 duyên là mãnh lực bảo tồn: Sắc mạng quyền duyên, Quyền hiện hữu duyên và Quyền bất ly duyên.

Ngoài 16 duyên (9 duyên mãnh lực trợ sanh, 4 duyên mãnh lực ủng hộ, 3 duyên mãnh lực bảo tồn), 36 duyên còn lại trong 52 duyên vừa là mãnh lực trợ sanh vừa là mãnh lực ủng hộ (*janakupatthambhakasatti*)

(Dứt định lý duyên hệ)

Biên soạn giáo trình: Tỳ kheo Tuệ Siêu

Bài 67

Chương VIII. TOÁT YẾU DUYÊN TRỢ (Paccayasāṅgha) **PHẦN II. ĐỊNH LÝ Y TƯƠNG SINH (Paṭṭicasamuppādanayo)**

TỔNG QUAN

Trong Thắng pháp tạng, bộ Phân tích (*Vibhaṅga*) trình bày phần phân tích duyên khởi (*paccayākāravibhaṅgo*) như sau:

Tattha avijjāpaccayā saṅkhārā, saṅkhārāpaccayā viññāṇaṃ, viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ, nāmarūpapaccayā salāyatanāṃ, salāyatanapaccayā phasso, phassapaccayā vedanā, vedanāpaccayā taṇhā, taṇhāpaccayā upādānaṃ, upādānapaccayā bhavo, bhavapaccayā jāti, jātipaccayā jarāmaṇaṃ soka – parideva – dukkha – domanass’ upāyāsā sambhavanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassasamudayo hotī’ti.

Ở đây, do duyên vô minh có hành, do duyên hành có thức, do duyên thức có danh sắc, do duyên danh sắc có lục nhập, do duyên lục nhập có xúc, do duyên xúc có thọ, do duyên thọ có ái, do duyên ái có thủ, do duyên thủ có hữu, do duyên hữu có sanh, do duyên sanh có già chết – sầu – bi – khổ – ưu – não [hoặc, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử – sầu – bi – khổ – ưu – não]. Như vậy là tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Paccayākāra, điều kiện trợ sanh – Chính là *Paṭṭicasamuppāda*, Y tương sinh hay liên quan tương sinh. Có nghĩa là do nương vào nhau mà sanh khởi, pháp này làm duyên cho pháp kia, pháp kia có mặt do liên quan pháp này. Và, duyên sinh năng trợ sanh sở theo công thức duyên hệ (*paṭṭhānanayena*), mặc dù chỉ trình bày nguyên nhân và hậu quả mà không đề cập nhân trợ quả bằng cách nào, chỉ lý giải thôi.

PHẦN II. ĐỊNH LÝ Y TƯƠNG SINH (Paṭiccasamuppādanayo)

1. *Avijjāpaccayā saṅkhārā sambhavanti* – Do duyên vô minh có hành (hay vô minh duyên hành)

Lý giải:

Vô minh (*avijjā*) là không hiểu pháp đáng hiểu, không biết điều đáng biết, là sự ngu si mê muội. Vô minh chính là si, tâm sở si (*mohacetāsika*) tương ưng với tâm bất thiện (*akusalacitta*). Vô minh hay si là không nhận thức được đặc tính bản thể của pháp hữu vi vô thường, khổ, vô ngã, không biết khổ, nhân sanh khổ, sự diệt khổ và đạo lộ đến diệt khổ...

Hành (*saṅkhāra*) do vô minh trợ, là nghiệp hành (*kamma-saṅkhāra*), hành vi xấu hay tốt.

Vì si mê không biết nhân quả, chúng sanh tạo ra những nghiệp bất thiện, thực hiện thân ác nghiệp, khẩu ác nghiệp, ý ác nghiệp. Đây gọi là vô minh trợ cho phi phúc hành (*apuññābhisāṅkhāra*) phi phúc hành là tư bất thiện (*akusalacatanā*).

Vì mê muội, không biết luân hồi là khổ nên chúng sanh mong ước được sanh cõi vui: trời, người, hoặc thích có danh lợi, rồi làm phước bố thí, trì giới, tu chứng thiên sắc giới. Đây gọi là vô minh trợ phúc hành (*puññābhisāṅkhāra*). Phúc hành là tư thiện dục giới (*kāmāvacarakusalacetanā*) và tư thiện sắc giới (*rūpāvacarakusalacetanā*).

Vì mê muội, khao khát cõi phạm thiên vô sắc nên có người tu chứng thiên vô sắc giới. Đây gọi là vô minh trợ bất động hành (*Āneñjābhisāṅkhāra*). Bất động hành là tư thiện vô sắc giới (*arūpāvacarakusalacetanā*).

Xét về cách vô minh duyên hành theo duyên hệ (paṭṭhānapaccaya):

- Vô minh duyên phi phúc hành. Si tâm sở đồng sanh với tư tâm sở trong cùng sát na tâm bất thiện, thì Si trợ Tư bằng nhân duyên, Hỗ tương duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

Vô minh là Si trong sát na đồng lực bất thiện kế trước và hành là tư trong sát na đồng lực bất thiện kế sau, thì Si trợ Tư bằng Vô gián duyên, Liên

tiếp duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly khứ duyên, và Trùng dụng duyên.

Vô minh là si trong tâm bất thiện sanh lúc trước làm đối tượng cho hành là tư hợp tâm bất thiện sau đó sanh khởi thì si trợ tư bằng Cảnh duyên và Trường duyên.

Vô minh tiềm miên (*Avijjānusaya*) được xem là duyên chính cho nghiệp hành (*Kammasaṅkhāra*). Do đó vô minh là si, trợ cho phi phúc hành là tư bất thiện, bằng thường cận y duyên.

Nói tổng quát thì vô minh trợ phi phúc hành bằng 16 duyên.

- Vô minh duyên phúc hành. Vô minh là si pháp bất thiện không thể đồng sanh tương ưng với tư thiện (*kusalacetanā*), nhưng có hai trường hợp vô minh duyên phúc hành:

Vô minh tiềm miên khiến chúng sanh chìm trong bóng tối mà tạo nghiệp hành, trong đó có phúc hành là tư thiện dục giới và tư thiện sắc giới. Trường hợp này vô minh trợ phúc hành bằng thường cận y duyên.

Vô minh là si trong tâm bất thiện sanh lúc trước có thể làm cảnh cho tư thiện dục giới sanh khởi, trường hợp này vô minh duyên phúc hành dục giới bằng cảnh duyên.

Tóm lại, vô minh duyên phúc hành chỉ bằng hai duyên là cảnh duyên và thường cận y duyên.

- Vô minh duyên bất động hành. Vô minh tiềm miên trợ tư thiện vô sắc giới chỉ bằng một cách thường cận y duyên.

*

2. Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ sambhavati – Do duyên hành có thức (hay hành duyên thức)

Lý giải:

Nhắc lại, hành (*saṅkhāra*) là nghiệp (*kamma*); tức là tâm sở tư (*cetanā*) phối hợp trong tâm bất thiện và tâm hiệp thế. Tư (*cetanā*) là nghiệp, như Phật ngôn dạy:

Cetanā'ham bhikkhave kammaṃ vadāmi nghĩa là “Này các Tỳ kheo, ta nói Tu là nghiệp”.

Thức (*viññāṇa*) do duyên hành, thức ấy là quả thức (*vipākaviññāṇa*) hay thức uẩn quả hiệp thể (*lokiyavipākaviññāṇa*) gồm 32 thứ tâm.

Thật ra, nghiệp quá khứ (hành) tạo ra danh uẩn quả (thức uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn) cùng tạo ra sắc nghiệp (*kammasamuṭṭhānarūpa hay kammajarūpa hay kaṭattārūpa*). Như trong bộ *paṭṭhāna* đã nói: *Kusalākusalaṃ kammaṃ vipākānaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ kammaṃ paccayena paccayo*, nghĩa là nghiệp thiện và bất thiện trợ tạo các danh uẩn quả và các sắc nghiệp bằng cách nghiệp duyên.

Tuy vậy, trong y tương sinh chỉ nói là Hành duyên thức (nghiệp trợ tạo thức uẩn quả). Vì sao không nói hành duyên danh uẩn quả và sắc nghiệp trong khi ở thời điểm tái tục danh uẩn quả và sắc nghiệp cũng đã có mặt?

Vấn đề này, được Ngài Nandamālābhivamsa Sayadaw giải thích:

Vấn đề thứ nhất, mặc dù bốn danh uẩn luôn đồng sanh và tương ưng với nhau nhưng chỉ nói hành duyên thức, bởi vì nêu phần chính yếu tức là tâm quả (*vipākacitta*). Tâm có chức năng dẫn đầu tâm sở (*pubbaṅgamarasaṃcittam*); Tâm sở chỉ là thuộc tánh của tâm, phụ họa với tâm, các tâm sở có thể phối hợp với tâm bất thiện và tâm thiện, không riêng tâm quả. Nên khi nói nghiệp (hành) tạo quả thì chỉ cần nói hành duyên thức uẩn là đủ.

Vấn đề thứ hai, mặc dù nghiệp có thể tạo sắc nhưng sắc nghiệp không gọi là quả (*vipāka*), không đồng tánh chất danh pháp (*nāma*) với nghiệp. Nên khi nói nghiệp (hành) tạo quả (thức) thì chỉ nói hành duyên thức (danh) mà không nói duyên sắc.

Nói về hành duyên thức có 4 trường hợp:

- Phi phúc hành (*apuññābhisāṅkhāra*) duyên thức quả bất thiện (*akusalavipākaviññāṇa*), tức là 12 tư bất thiện (*akusalacetanā*) trợ sanh 7 tâm quả bất thiện (*akusalavipākacitta*). Trong 7 tâm quả ấy, có một tâm quan sát (*santīraṇacitta*) làm thức tái sanh cõi bất hạnh (ngoại trừ tâm quan sát quả bất thiện do tâm si phóng dật tạo ra). Thời bình nhật thì sanh khởi đủ 7 thức quả bất thiện.

- Phúc hành dục giới (*kāmāvacarapuññābhisāṅkhāra*) duyên thức quả thiện

dục giới (*kāmāvacarakusalavipākaviññāṇa*), tức 8 tư thiện (*kusalacetanā*) dục giới trợ sanh 16 tâm quả là 8 quả thiện vô nhân (*kusalavipākāhetukacitta*) và 8 đại quả (*mahāvipākacitta*). Trong đó có 9 tâm quả là thức tái sanh cõi vui dục giới, đó là 1 tâm quan sát quả thiện thọ xả và 8 tâm đại quả. Trong thời bình nhật sanh khởi đủ 16 thức quả thiện.

- Phúc hành sắc giới (*rūpāvacarapuññābhisāṅkhāra*) duyên thức quả sắc giới (*rūpāvacaravipākaviññāṇa*), tức 5 tư thiện (*kusalacetanā*) sắc giới trợ sanh 5 tâm quả sắc giới (*rūpāvacaravipākacitta*). Tâm quả bậc thiền nào sẽ là thức tục sinh hữu phần – tử cho cõi sắc bậc thiền ấy.

- Bất động hành (*āneñjābhisāṅkhāra*) duyên thức quả vô sắc giới (*arūpāvacaravipākaviññāṇa*), tức 4 tư thiện (*kusalacetanā*) vô sắc giới trợ sanh 4 tâm quả vô sắc giới (*arūpāvacaravipākacitta*). Bốn tâm quả vô sắc làm thức tục sinh – hữu phần – tử cho cõi vô sắc, tâm nào cõi này.

Xét theo duyên hệ (*paṭṭhānapaccaya*) thì hành duyên thức (nghiệp hành trợ cho quả thức) bằng hai duyên là dị thời nghiệp duyên và thường cận y duyên.

Nói thêm, sự tục sinh cõi vô tướng (*asaññasatta*). Cõi vô tướng hay nhất uẩn hữu (*ekavokārabhava*) là cõi mà chúng sanh ở đó chỉ có sắc uẩn, không có danh uẩn, nên ở thời điểm tục sinh chỉ có hiện khởi bốn sắc nghiệp mạng quyền do nghiệp hành sắc giới ngũ thiện tạo ra. Gọi là Hành duyên sắc.

*

3. *Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ sambhavati* – Do duyên thức có danh sắc (hay thức duyên danh sắc)

Lý giải:

Thức (*viññāṇa*) đây là thức uẩn quả (*vipākaviññāṇakkhandha*).

Nghiệp hành trợ sanh 32 quả thức, trong đó có 19 tâm quả làm việc tái tục, khởi đầu một kiếp sống mới, gọi là kết sanh thức (*paṭisandhiviññāṇa*).

Danh sắc có do thức làm duyên. Danh (*nāma*) đây là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn, tức 35 tâm sở đồng sanh với thức uẩn quả trong trong một sát na. Sắc (*rūpa*) đây là 18 sắc nghiệp, gồm sắc nghiệp tứ đại và sắc nghiệp y sinh.

Thức uẩn quả cõi ngũ uẩn mới trợ danh sắc; thức uẩn quả cõi tứ uẩn, chỉ duyên danh thôi.

Thức uẩn quả dục giới có 23 thứ tâm quả, trợ danh là 33 tâm sở (trừ giới phần và vô lượng phần); trợ sắc là 18 sắc nghiệp tái tục và bình nhật.

Thức uẩn quả sắc giới có 5 thứ tâm quả, trợ danh là 35 tâm sở (trừ giới phần); trợ sắc là 13 sắc nghiệp tái tục và bình nhật (trừ tử, thiệt, thân, 2 sắc giới tính).

Thức uẩn quả vô sắc giới có 4 thứ tâm quả chỉ trợ danh là 30 tâm sở phối hợp (trừ tâm, tứ, hỷ, giới phần và vô lượng phần); không có trợ sắc.

Xét theo duyên hệ (paṭṭhānapaccaya):

Thức duyên danh – thức uẩn trợ các tâm sở đồng sanh bằng chín duyên là câu sanh duyên, câu sanh y duyên, câu sanh hiện hữu duyên, câu sanh bất ly duyên, câu sanh quyền duyên, danh vật thực duyên, hỗ tương duyên, tương ưng duyên và quả duyên.

Thức duyên sắc – Thức uẩn quả tái tục trợ sắc nghiệp ý vật tái tục bằng chín duyên là câu sanh duyên, câu sanh y duyên, câu sanh bất tương ưng duyên, câu sanh hiện hữu duyên, câu sanh bất ly duyên, câu sanh quyền duyên, hỗ tương duyên, danh vật thực duyên và quả duyên.

Thức duyên sắc – thức uẩn quả tái tục trợ sắc nghiệp tái tục, ngoài sắc ý vật, bằng tám duyên là bớt ra hỗ tương duyên. Bởi vào thời điểm tái tục chỉ có tâm tái tục và sắc ý vật mới trợ lẫn nhau, hỗ tương duyên; Đối với các sắc nghiệp khác thì tâm tái tục trợ duyên một chiều nên không có hỗ tương duyên.

Thức duyên sắc – Thức uẩn quả bình nhật trợ sắc nghiệp bình nhật bằng bốn duyên là hậu sanh duyên, hậu sanh bất tương ưng duyên, hậu sanh hiện hữu duyên và hậu sanh bất ly duyên.

(còn tiếp)

Biên soạn giáo trình: Tỳ kheo Tuệ Siêu

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: Thắng Pháp Abhidhamma
Bài học ngày 20.3.2022

Bài 68.

Chương VIII. TOÁT YẾU DUYÊN TRỢ (Paccayasāṅgaha)

PHẦN II.

ĐỊNH LÝ Y TƯỞNG SINH (Paṭṭicasamuppādanayo) “tiếp theo”

4. *Nāmarūpapaccayā saḷāyatanaṃ sambhavati* – Do duyên danh sắc có lục nhập (hay danh sắc duyên lục nhập)

Lý giải:

Khởi đầu một kiếp sống mới ở cõi ngũ uẩn, danh sắc khởi sanh đầy đủ; cõi tứ uẩn vào thời điểm tái tục chỉ có danh (*nāma*). Danh tái tục là bốn uẩn quả (thức, thọ, tưởng, hành); Sắc tái tục là sắc nghiệp (tứ đại và sắc y sinh). Thức uẩn quả là trọng tâm trợ cho thọ, tưởng, hành, đồng sanh và trợ sắc nghiệp đồng sanh lúc tái tục, gọi là thức duyên danh sắc (đã nói mỗi tương quan thứ 3).

Sau tâm tái tục, tiếp nối là 16 hữu phần (*bhavaṅga*) cũng là danh uẩn quả như tâm tái tục. Tâm hữu phần thứ 16 (hữu phần dứt dòng – *bhavaṅgupaccheda*) trợ cho tâm khai ý môn (không còn là danh uẩn quả mà là danh uẩn tố - *kiriya*); Tâm khai môn diệt trợ tâm đồng lực tham (là danh uẩn bất thiện)... Tâm nối nhau sanh diệt suốt kiếp sống không gián đoạn. Sắc pháp trong đời sống bình nhật cũng tồn tại nương vào tâm pháp. Chính do danh sắc diễn biến này mà tạo nên các giác quan bắt cảnh sắc, thính, khí, vị, xúc, pháp.

Do đó, mỗi tương sinh thứ 4 “Danh sắc duyên lục nhập” được nói đến cần hiểu: Danh (*nāma*) gồm 52 tâm sở phối hợp tâm; Sắc (*rūpa*) gồm 28 sắc pháp.

Lục nhập (*saḷāyatana*) tức sáu nội xứ (*cha ajjhattikāyatanaṇi*): nhãn xứ là sắc thân kinh nhãn, nhĩ xứ là sắc thân kinh nhĩ, tỷ xứ là sắc thân kinh tỷ, thiệt xứ là sắc thân kinh thiệt, thân xứ là sắc thân kinh thân, ý xứ là tất cả tâm (gồm nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, ý giới và ý thức giới).

Danh sắc duyên lục nhập bằng cách duyên hệ (*paṭṭhānapaccaya*) như sau:

- Danh là ba danh uẩn tâm sở trợ ý nhập (ý xứ) là tâm hay thức uẩn

bằng sáu duyên căn bản: câu sanh duyên, câu sanh y duyên, câu sanh hiện hữu duyên, câu sanh bất ly duyên, hồ tương duyên và tương ưng duyên. Ngoài ra, tùy theo danh năng duyên là gì mà thêm bảy duyên trợ khác như nhân duyên, câu sanh nghiệp duyên, dị thực quả duyên, danh vật thực duyên, câu sanh quyền duyên, thiên na duyên, đồ đạo duyên.

- Danh là ba danh uẩn quả thời tái tục trợ ngũ nhập thô là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ và thân xứ bằng 6 duyên: Quả duyên, câu sanh duyên, câu sanh y duyên, câu sanh bất tương ưng duyên, câu sanh hiện hữu duyên, và câu sanh bất ly duyên.

- Danh là ba danh uẩn thời bình nhật trợ ngũ nhập thô bằng 4 duyên: Hậu sanh duyên, hậu sanh, hậu sanh bất tương ưng duyên, hậu sanh hiện hữu duyên và hậu sanh bất ly duyên.

- Sắc là sắc nghiệp tứ đại trợ ngũ nhập thô là 5 sắc thân kinh đồng bọn bằng 4 duyên: câu sanh duyên, câu sanh y duyên, câu sanh hiện hữu duyên, và câu sanh bất ly duyên.

- Sắc là sắc nghiệp mạng quyền trợ ngũ nhập thô đồng bọn bằng 3 duyên: sắc mạng quyền duyên, quyền hiện hữu duyên, và quyền bất ly duyên.

- Sắc là sắc nghiệp vật thực nội trợ ngũ nhập thô đồng bọn bằng 3 duyên: sắc vật thực duyên, vật thực hiện hữu duyên, và vật thực bất ly duyên.

- Sắc là sắc nghiệp ý vật thời tái tục trợ ý nhập là tâm tái tục cõi ngũ uẩn bằng 6 duyên: Hồ tương duyên, câu sanh duyên, câu sanh y duyên, câu sanh bất tương ưng duyên, câu sanh hiện hữu duyên, và câu sanh bất ly duyên.

- Sắc là sắc nghiệp ý vật thời bình nhật trợ ý nhập là tâm ý giới và ý thức giới (trừ quả vô sắc), bằng 5 duyên: vật tiền sanh duyên, vật tiền sanh y duyên, vật tiền sanh bất tương ưng duyên, vật tiền sanh hiện hữu duyên, và vật tiền sanh bất ly duyên.

- Sắc là sắc nghiệp thân kinh thời bình nhật trợ ý nhập là ngũ song thức, bằng 6 duyên: Tiền sanh quyền duyên, vật tiền sanh duyên, vật tiền sanh y duyên, vật tiền sanh bất tương ưng duyên, vật tiền sanh hiện hữu duyên và vật tiền sanh bất ly duyên.

5. *Salāyatanapaccayā phasso sambhavati* – Do duyên lục nhập có xúc (hay lục nhập duyên xúc)

Lý giải:

Lục nhập đây là sáu nội xúc, tức nhãn xúc (nhãn nhập), nhĩ xúc (nhĩ nhập), tỷ xúc (tỷ nhập), thiết xúc (thiết nhập), thân xúc (thân nhập), ý xúc (ý nhập).

Nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiết nhập và thân nhập có chi pháp là năm sắc thân kinh. Năm nhập này gọi tên chung là ngũ nhập thô. Ý nhập hay ý xúc chi pháp là tất cả tâm (theo bộ *vibhaṅga*, phần *paccayākāra*) vì tâm nào cũng có xúc tương ưng.

Xúc (*phassa* hay *samphassa*) là sự chạm mặt đối tượng, xúc cảnh, chi pháp là tâm sở xúc (*phassacetasika*) đồng sanh với 121 tâm. Nói theo kinh tạng 6 xúc là (1) Nhãn xúc (*cakkhusamphassa*), (2) Nhĩ xúc (*sotasamphassa*), (3) Tỷ xúc (*ghānasamphassa*), (4) Thiết xúc (*jivhāsamphassa*), (5) Thân xúc (*kāyasamphassa*), (6) ý xúc (*manosamphassa*).

- (1) Nhãn xúc là xúc của nhãn thức, sanh khởi do mắt đối chiếu cảnh sắc.
- (2) Nhĩ xúc là xúc của nhĩ thức, sanh khởi do tai đối chiếu cảnh thanh.
- (3) Tỷ xúc là xúc của tỷ thức, sanh khởi do mũi đối chiếu cảnh khí.
- (4) Thiết xúc là xúc của thiết thức, sanh khởi do lưỡi đối chiếu cảnh vị.
- (5) Thân xúc là xúc của thân thức, sanh khởi do thân đối chiếu cảnh xúc.
- (6) Ý xúc là xúc của ý thức (*manoviññānam*), sanh khởi do ý đối chiếu cảnh pháp.

Sự hội tụ của ba yếu tố: căn, cảnh, và thức, gọi là xúc. Điều này cho thấy rằng sáu căn, sáu cảnh và sáu thức đều làm duyên cho sáu xúc. Nhưng trong duyên sinh chỉ nói lục nhập (sáu căn) duyên xúc, vì lục nhập là cửa ngõ (*dvāra*) của xúc.

Nhãn nhập là mắt, cửa ngõ cho cảnh sắc hiện vào và nhãn thức khởi lên, khi ấy có nhãn xúc

Nhĩ nhập ... Ý nhập là ý căn, cửa ngõ cho cảnh pháp hiện vào và ý thức khởi lên, khi ấy có ý xúc.

Lục nhập duyên xúc phân tích theo duyên hệ (*paṭṭhānapaccaya*) như sau:

- Nhãn nhập là sắc thân kinh nhãn trợ nhãn xúc là danh uẩn, bằng sáu

duyên là: tiền sanh quyền duyên, vật tiền sanh duyên, vật tiền sanh y duyên, vật tiền sanh bất tương ưng duyên, vật tiền sanh hiện hữu duyên và vật tiền sanh bất ly duyên.

- Nhĩ nhập trợ nhĩ xúc cũng bằng sáu duyên.

- Tỷ nhập trợ tỷ xúc cũng bằng sáu duyên.

- Thiệt nhập trợ thiệt xúc cũng bằng sáu duyên.

- Thân nhập trợ thân xúc cũng bằng sáu duyên.

- Ý nhập là tất cả tâm (trừ ngũ song thức) trợ ý xúc là hành uẩn xúc hiệp trong các tâm ấy, bằng chín duyên là: câu sanh duyên, câu sanh y duyên, câu sanh quyền duyên, câu sanh hiện hữu duyên, câu sanh bất ly duyên, hỗ tương duyên, tương ưng duyên, danh vật thực duyên, và thêm quả duyên nếu ý nhập là 22 tâm quả hiệp thể (trừ ngũ song thức) trợ ý xúc. Ý nhập đây không kể ngũ song thức vì nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc đã có ngũ nhập thô (5 sắc thân kinh) trợ duyên phần chính rồi.

*

6. *Phassapaccayā vedanā sambhavati* – Do duyên xúc có thọ (hay xúc duyên thọ)

Lý giải:

Trước đã nói có sáu xúc là nhãn xúc (*cakkhusamphasso*), nhĩ xúc (*sotasamphasso*), tỷ xúc (*ghānasamphasso*), thiệt xúc (*jivhāsamphasso*), thân xúc (*kāyasamphasso*) và ý xúc (*manosamphasso*).

Do sáu xúc ấy duyên cho sáu thọ:

1/ Thọ sanh do nhãn xúc (*cakkhusamphassajavedanā*)

2/ Thọ sanh do nhĩ xúc (*sotasamphassajavedanā*)

3/ Thọ sanh do tỷ xúc (*ghānasamphassajavedanā*)

4/ Thọ sanh do thiệt xúc (*jivhāsamphassajavedanā*)

5/ Thọ sanh do thân xúc (*kāyasamphassajavedanā*)

6/ Thọ sanh do ý xúc (*manosamphassajavedanā*)

Thọ sanh khởi do sáu xúc trợ, có hai trường hợp là tâm sở xúc trợ tâm sở thọ đồng sanh trong tâm ấy, và hai là do xúc sáu cảnh nên sanh khởi cảm thọ trong đời sống.

- Thế nào là tâm sở xúc trợ tâm sở thọ đồng sanh trong tâm ấy?

Khi mắt thấy cảnh sắc thì nhãn thức câu hành xả khởi lên, trong tâm nhãn thức ấy có xúc duyên thọ xả.

Khi tai nghe tiếng thì nhĩ thức câu hành xả khởi lên, trong tâm nhĩ thức ấy có xúc duyên thọ xả.

Khi mũi ngửi mùi thì tỷ thức câu hành xả khởi lên, trong tâm tỷ thức ấy có xúc duyên thọ xả.

Khi lưỡi nếm vị thì thiệt thức câu hành xả khởi lên, trong tâm thiệt thức ấy có xúc duyên thọ xả.

Khi thân chạm cảnh xúc thì thân thức câu hành khổ và thân thức câu hành lạc khởi lên, trong tâm thân thức ấy có xúc duyên thọ khổ, có xúc duyên thọ lạc.

Khi ý nghĩ cảnh pháp có ý thức câu hành ưu, ý thức câu hành hỷ, ý thức câu hành xả khởi lên, trong các tâm ấy có xúc duyên thọ ưu, xúc duyên thọ hỷ, xúc duyên thọ xả.

Trường hợp này nói theo duyên hệ thì xúc duyên thọ bằng tám duyên là câu sanh duyên, câu sanh y duyên, câu sanh hiện hữu duyên, câu sanh bất ly duyên, hồ tương duyên, tương ưng duyên, danh vật thực duyên, dị thực quả duyên (bằng quả duyên nếu xúc hợp tâm quả).

- Thế nào là do xúc sáu cảnh nên sanh khởi cảm thọ trong đời sống?

Trong kinh Pháp Môn Đốt Nóng (*Ādittapariyāyasutta*) Đức Phật thuyết: *Sabbam bhikkhave ādittam ... yampi' dam cakkhusamphassapaccayā upajjati vedayitam sukham vā dukkham vā adukkhamasukham vā tampi ādittam ..vv..*

Này chư tỳ kheo, tất cả bị đốt nóng... cảm thọ nào sanh khởi do duyên nhãn xúc như lạc, hoặc khổ hoặc phi khổ phi lạc, thọ ấy đều bị đốt nóng ..vv..

Theo Phật ngôn đây thì, nhãn xúc duyên thọ lạc, khổ và phi khổ phi lạc; Nhĩ xúc duyên thọ lạc, khổ và phi khổ phi lạc; Tỷ xúc duyên thọ lạc, khổ và phi khổ phi lạc; Thiệt xúc duyên thọ lạc, khổ và phi khổ phi lạc; Thân xúc

duyên thọ lạc, khổ và phi khổ phi lạc; Ý xúc duyên thọ lạc, thọ khổ và thọ phi khổ phi lạc.

Thật vậy, chúng sanh thấy sắc vừa lòng thì vui, gặp sắc không vừa lòng thì buồn bực, gặp sắc bình thường thì dừng dưng; cũng vậy, khi nghe tiếng ... ngửi mùi ... nếm vị ... xúc chạm. ... ý suy nghĩ cảnh vừa lòng thì vui, cảnh không vừa lòng thì buồn bực, cảnh bình thường thì dừng dưng.

Trường hợp này, sáu xúc duyên thọ lạc hay thọ khổ hay thọ xả nói theo duyên hệ thì trợ bằng thường cận y duyên.

*

7. *Vedanāpaccayā taṇhā sambhavati* – Do duyên thọ có ái (hay Thọ duyên ái)

Lý giải:

Thọ đây là lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ khởi lên do nhãn xúc, nhĩ xúc ..vv...

Mắt thấy sắc dù thọ nào cũng duyên ái được.

Ái do duyên sáu thọ nên cũng có sáu thứ ái là: sắc ái (*rūpatañhā*), thanh ái (*saddatañhā*), khí ái (*gandhatañhā*), vị ái (*rasatañhā*), xúc ái (*phoṭṭhabbatañhā*) và pháp ái.

Ái cảnh sắc gọi là sắc ái; Ái cảnh thanh gọi là thanh ái; Ái cảnh khí gọi là khí ái; Ái cảnh vị gọi là vị ái; Ái cảnh xúc gọi là xúc ái; Ái cảnh pháp gọi là pháp ái.

Nếu ái cảnh dục không liên quan tà kiến hoặc câu tái sanh thì gọi là dục ái (*kāmatañhā*); Nếu ái cảnh dục có liên quan chấp thường kiến hoặc khát vọng tái sanh ba cõi thì gọi là hữu ái (*bhavatañhā*); Nếu ái cảnh dục có liên quan chấp đoạn kiến thì gọi là phi hữu ái (*vibhavatañhā*). Có người hiểu lầm rằng hữu ái (*bhavatañhā*) là ái cõi thiên sắc giới, phi hữu ái (*vibhavatañhā*) là ái cõi thiên vô sắc giới.

Dục ái (*kāmatañhā*) và phi hữu ái (*vibhavatañhā*) là lấy theo cảnh; Còn hữu ái (*bhavatañhā*) là ái theo 5 cách:

- Ái dục hữu (*kāmabhava*) khao khát sanh làm người, trời cõi dục giới.

- Ái sắc hữu (*rūpabhava*) khao khát sanh làm phạm thiên cõi sắc.
- Ái vô sắc hữu (*arūpabhava*) khao khát sanh làm phạm thiên cõi vô sắc.
- Ái thiên lạc (*jhānanikanti*) ưa thích hạnh phúc thiên chứng.
- Ái thường kiến (*sassatadiṭṭhi*) ái chấp ngũ uẩn có linh hồn, bản ngã vĩnh hằng; Sống hưởng thụ, chết đi tái sinh đều do linh hồn dẫn dắt.

Trở lại vấn đề thọ duyên ái: Thọ lạc duyên ái là lẽ thường, chúng sanh khi gặp cảnh vừa lòng thì ưa thích say đắm, nhiễm cảnh, ngoại trừ bậc Tứ quả, bậc Tam quả không còn dục ái nhưng cũng còn sắc ái và vô sắc ái.

Thọ khổ duyên ái, trong đời cũng có những chúng sanh lấy khổ thân khổ tâm làm nguồn cảm hứng để sống mơ mộng khát vọng.

Thọ phi khổ phi lạc tức là thọ xả duyên ái, chúng sanh có người sống vô tư lự, cho rằng là thanh nhàn rồi vui thú với đời sống thanh nhàn ấy.

Nói theo duyên hệ thì thọ duyên ái bằng thường cận y duyên.

*

8. *Taṇhāpaccayā upādānaṃ sambhavanti* – Do ái có thủ (hoặc ái duyên thủ)

Lý giải:

Ái đây là ba ái tập đế (*samudayasacca*) tức dục ái, hữu ái và phi hữu ái, hay sáu ái theo cảnh là sắc ái, thanh ái, khinh ái, vị ái, xúc ái và pháp ái. Chi pháp là tâm sở tham.

Thủ (*upādāna*) là sự chấp cứng, bám víu vào những gì ưa thích. Có 4 thủ:

- Dục thủ (*kāmuṇāpādāna*) là sự bám víu cảnh khả ái như sắc, thanh, khí, vị, xúc và pháp hấp dẫn. Chi pháp là tâm sở tham.

- Kiến thủ (*diṭṭhupādāna*) là sự bám chặt quan điểm sai lầm như thường kiến, đoạn kiến. Chi pháp là tâm sở tà kiến.

- Giới cấm thủ (*sīlabbatupādāna*) là sự chấp cứng tà giới, nghi thức mê tín dị đoan. Chi pháp cũng là tâm sở tà kiến.

- Ngã luận thủ (*attavādupādāna*) là sự chấp cứng thuyết bản ngã, cái tôi hiện hữu trong thân ngũ uẩn. Đồng nghĩa với thân kiến (*sakkāyadiṭṭhi*). Ngã luận thủ có chi pháp cũng là tâm sở tà kiến.

Giải về 4 trường hợp ái duyên thủ:

a. Ái duyên dục thủ - Ái là tâm sở tham, dục thủ cũng là tâm sở tham, không thể đồng sanh. Ái có trước trợ dục thủ có sau; dĩ nhiên phải ưa thích cái gì rồi mới dính mắc cái ấy, ví như thoa lớp keo rồi mới dán dính được vậy. Ái duyên dục thủ, nói theo duyên hệ thì trợ bằng cách thường cận y duyên.

b. Ái duyên kiến thủ - Do ái mà sanh chấp thường kiến hay đoạn kiến. Như người ưa thích cảnh khả ái rồi say đắm hưởng dục với tâm quan niệm lạc này bất biến; hoặc say đắm hưởng thụ với quan niệm chết là hết nên phải tận hưởng.

c. Ái duyên giới cấm thủ - Như có người ước muốn sanh nơi lạc cảnh rồi chấp trì hạnh con bò, hạnh con chó, hạnh nằm trên gai, hạnh thờ lửa, ..v.v..

d. Ái duyên ngã luận thủ - có người vì ái luyến bản thân nên đưa ra luận thuyết về Ngã (*atta*), chấp “cái ta” trong thân ngũ uẩn.

Ái duyên kiến thủ, giới cấm thủ, và ngã luận thủ gọi chung là ái trợ cho tà kiến.

Ái trợ sanh tà kiến nói theo duyên hệ (*patthānapaccaya*), có hai trường hợp:

Ái sanh trước trợ ba thủ tà kiến sanh sau bằng một duyên là thường cận y duyên.

Nếu ái là tâm sở tham trợ cho ba thủ là tâm sở tà kiến cùng sanh trong sát na tâm tham thì bằng bảy duyên là: nhân duyên, hỗ tương duyên, tương ưng duyên, câu sanh duyên, câu sanh y duyên, câu sanh hiện hữu duyên, và câu sanh bất ly duyên.

(còn tiếp)

Biên soạn giáo trình: Tỳ kheo Tuệ Siêu

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: Thắng Pháp Toát Yếu
Bài học ngày 27.3.2022

Bài 69.

Chương VIII. TOÁT YẾU DUYÊN TRỢ (Paccayasāṅgaha)

PHẦN II.

ĐỊNH LÝ Y TƯƠNG SINH (Paṭiccasamuppādanayo) “tiếp theo”

9. *Upādānapaccayā bhavo sambhavati* – Do thủ có hữu (hoặc thủ duyên hữu)

Lý giải:

Thủ (*upādāna*) có bốn thứ là dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ và ngã luận thủ như đã trình bày trong pháp y tương sinh thứ tám.

Hữu (*bhava*) có hai là Nghiệp hữu (*kammabhava*) và Sanh hữu (*upapattibhava*). Hữu trong y tương sinh thứ chín đây chỉ lấy nghiệp hữu.

Nghiệp hữu (*kammabhava*) là điều kiện tác thành quả dị thực, tạo sanh hữu mới. Nghiệp hữu chi pháp là tâm sở tư (*cetanā*) hợp tâm bất thiện và thiện hiệp thế.

Chia theo môn (*dvāra*) thì có ba:

- Thân nghiệp hữu (*kāyakammabhava*) là nghiệp hữu nương thân môn, tức tư bất thiện và tư thiện dục giới (20 tư tâm sở).
- Khẩu nghiệp hữu (*vacīkammabhava*) là nghiệp hữu nương khẩu môn, tức tư bất thiện và tư thiện dục giới (20 tư tâm sở).
- Ý nghiệp hữu (*manokammabhava*) là nghiệp hữu nương ý môn, tức tư bất thiện và tư thiện hiệp thế (29 tư tâm sở).

Giải bốn trường hợp thủ duyên hữu:

- a. Dục thủ duyên nghiệp hữu, nghĩa là do lòng tham muốn các dục lạc mà chúng sanh tạo bất thiện nghiệp như sát sanh, trộm cắp tà dâm ..vv.. Hặc do ham muốn dục lạc cõi nhân thiên nên có người làm phước bố thí, trì giới, tu thiện để tạo quả vui.

b. Kiến thủ duyên nghiệp hữu, nghĩa là do chấp tà kiến mà chúng sanh tạo nghiệp. Chấp thường kiến thì có thể tạo nghiệp bất thiện như giết sinh vật để cúng tế ..vv.. cũng có thể thực hiện các việc lành đối với người chấp thường kiến; còn như chấp đoạn kiến thì chúng sanh chỉ tạo ác nghiệp bởi không tin nghiệp quả tái sanh.

c. Giới cấm thủ duyên nghiệp hữu, nghĩa là do chấp trì một giáo điều hay giới cấm sai lạc nào đó dẫn tới hành động ác như quan niệm phụng thờ thần linh ấy thì phải tàn sát người dị giáo ..vv.. Đôi khi do chấp trì hạnh ăn rau quả hoặc uống nước lã để không sát sanh ..vv.. vô tình người ấy tạo thiện nghiệp.

d. Ngã luận thủ duyên nghiệp hữu. Ngã luận thủ chỉ có ở phàm phu, vẫn còn ngộ nhận về một cái Tôi trong ngũ uẩn, rồi để cũng cố tô điểm thêm cho bản ngã nên đã tạo nghiệp thiện hoặc nghiệp ác. Đó là ngã luận thủ duyên nghiệp hữu vậy.

Thủ duyên nghiệp hữu nói theo duyên hệ (*paṭṭhānapaccaya*) là bằng thường cận y duyên. Có sách giải thêm thủ duyên hữu bằng câu sanh duyên ..vv.. bằng vô gián duyên ..vv..

Xét cho cùng thì lời giải ấy bị hạn chế, bởi thủ là tham và tà kiến duyên nghiệp hữu là tư đồng sanh trong tâm tham thì làm sao lý giải thủ duyên cho thiện nghiệp hữu, hoặc thủ duyên cho bất thiện nghiệp hữu, hoặc thủ duyên cho bất thiện nghiệp khác ngoài tâm tham tương ưng tà kiến được?

Hay nói thủ duyên nghiệp hữu bằng vô gián duyên, trùng dụng duyên ..vv.. cũng bị hạn chế, bởi tứ thủ trong đồng lực trước chỉ trợ đồng lực sau là tham nghiệp hữu, chứ không thể là sân nghiệp hữu, si nghiệp hữu, hoặc thiện nghiệp hữu được.

Còn khi nói thủ duyên hữu bằng thường cận y duyên thì lý giải được bốn trường hợp thủ duyên thiện và bất thiện nghiệp hữu, kiến thủ duyên thiện và bất thiện nghiệp hữu, giới cấm thủ duyên thiện và bất thiện nghiệp hữu, ngã luận thủ duyên thiện và bất thiện nghiệp hữu.

*

10. *Bhavapaccayā jāti sambhavati* – Do duyên hữu có sanh (hoặc hữu duyên sanh)

Lý giải:

Hữu (*bhava*) đây chính là nghiệp hữu (*kammabhava*), tức là thiện nghiệp và bất thiện nghiệp, nói cách khác là tư thiện hiệp thể (*lokiyakusalacetanā*) và tư bất thiện (*akusalacetanā*).

Sanh (*jāti*) đây là sanh hữu (*upapattibhava*), sự hình thành kiếp sống mới, một cá thể mới (*attabhāva*) trong cuộc tái sinh luân hồi.

Một cá thể được hình thành theo một trong ba trường hợp:

- Ngũ uẩn sanh (*pañcakhandhajāti*), sự tái sanh hiện khởi đủ năm uẩn, tức là tái sanh trong cõi dục giới và cõi sắc giới hữu tướng.
- Tứ uẩn sanh (*catukhandhajāti*) là sự tái sanh chỉ hiện khởi bốn danh uẩn không có sắc uẩn, tức là sanh trong cõi vô sắc giới.
- Nhứt uẩn sanh (*ekakhandhajāti*) là sự tái sinh chỉ hiện khởi sắc uẩn không có bốn danh uẩn, tức là tái sanh trong cõi sắc giới vô tướng.

Phân tích ba trường hợp hữu duyên sanh:

a. Nghiệp hữu duyên ngũ uẩn sanh, (1) Nghiệp hữu dục giới duyên ngũ uẩn sanh dục giới, tức là tư bất thiện và tư thiện dục giới tạo ra 10 tâm tái tục cùng 33 tâm sở và sắc nghiệp tái tục cõi dục; tạo ra 23 tâm quả cùng 33 tâm sở hợp và sắc nghiệp bình nhật ở cõi dục. (2) Nghiệp hữu sắc giới duyên ngũ uẩn sanh sắc giới, tức là tư thiện sắc giới tạo 5 quả sắc giới cùng 35 tâm sở hợp và 13 sắc nghiệp thời tái tục _ bình nhật trong cõi sắc giới hữu tướng.

b. Nghiệp hữu duyên tứ uẩn sanh, tức là tư thiện vô sắc giới tạo ra bốn tâm quả vô sắc giới cùng 30 tâm sở hợp làm việc tục sinh hữu phần và tử cho phạm thiên vô sắc.

c. Nghiệp hữu duyên nhứt uẩn sanh, tức là tư thiện ngũ thiên sắc giới ly ái tướng (*saññāvirāga*) tạo bốn sắc mạng quyền tái tục cõi vô tướng (*asaññāsatta*).

Nghiệp hữu (*kammabhava*) giống như hành (*sankhāra*) nhưng khác nhau ở vài điểm:

Nghiệp hữu là nhân hiện tại trợ sanh hữu là quả vị lai; còn Hành là nhân quá khứ, trợ thức _ danh sắc là quả hiện tại.

Nghiệp hữu là quả của duyên thủ, do tham và tà kiến trợ duyên; còn Hành là quả của vô minh, do si trợ duyên.

Nghiệp hữu duyên sanh hữu, nói theo duyên hệ thì bằng hai duyên là dị thời nghiệp duyên và thường cận y duyên.

*

11. *Jātipaccayā jarāmaṇaṃ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti* – Do duyên sanh có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não (Hoặc sanh duyên lão tử sầu bi khổ ưu ai)

Lý giải:

Mỗi y tương sinh cuối cùng này nên hiểu theo hai ý nghĩa: Nghĩa chơn đế (*paramatthasacca*) và nghĩa tục đế (*sammutisacca*).

Về phương diện chơn đế, mỗi pháp hữu vi (danh uẩn và sắc uẩn) đều có trạng thái sanh (*uppāda*), trụ (*thiti*) và diệt (*bhaṅga*). Do đó, sau sanh chắc chắn là trụ và diệt. Trạng thái sanh khởi của pháp hữu vi được gọi là sanh (*jāti*); Trụ của pháp hữu vi gọi là lão (*jarā*); Diệt hay sự tan rã của pháp hữu vi gọi là tử (*maṇa*). Như vậy lão và tử là hậu quả của sanh, do có sanh mới có lão tử. Vậy thì theo chơn đế, tất cả chúng sanh trong tam giới đều đang đối diện với sanh, lão, tử trong từng sát na.

Về phương diện tục đế, sanh (*jāti*) là sự tái sanh luân hồi. Do có sự tái sanh hình thành thân ngũ uẩn dẫn đến sự già (*jāra*) và chết (*maṇa*). Trải qua kiếp sống theo thời gian thân xác này tiêu tụy hao mòn gọi là già, có những loài hữu tình bị già biểu hiện lông tóc bạc, da nhăn, tướng đổi khác, mất đi dáng vẻ tuổi trẻ. Rồi chết, là chấm dứt sự sống, kết thúc một đời, thức lìa khỏi xác. Lão tử là quả chánh yếu của sanh (*jāti*).

Chúng sanh trong cõi dục giới, đời sống hiện khởi sầu, bi, khổ, ưu, não. Năm sự kiện này là quả thứ yếu (*nissandaphala*) của sanh, vì không có cho tất cả loài hữu tình.

Sầu (*soka*) là buồn rầu khi gặp cảnh quyền thuộc phân ly, tài sản tiêu tán, sức khỏe suy sụp, sầu là tâm thọ ưu.

Bi (*parideva*) là khóc than, kêu thảm, thất vọng vì mất người thân, tiêu hao tài sản ..vv.. Bi cũng do tâm thọ ưu nhưng tạo ra tiếng khóc.

Khổ (*dukkha*) là đau đớn khó chịu bởi tật bệnh hoành hành, hay bị đánh đập, té ngã ..vv.. đây là khổ thân (*kāyikadukkha*).

Ưu (*domanassa*) là bực bội, khó chịu trong lòng vì nghĩ đến điều bất hạnh. Đây là khổ tâm (*cetasikadukkha*).

Não (*upāyāsa*) là áo não, ai oán, một trạng thái chịu khổ thân tâm tột độ.

Do sanh ra nên có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, gọi là sanh duyên lão tử sầu bi khổ ưu não, nói theo duyên hệ thì trợ bằng thường cận y duyên.

(còn tiếp)

Biên soạn giáo trình: Tỳ kheo Tuệ Siêu

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: Thắng Pháp Toát Yếu
Bài học ngày 3.4.2022

Bài 70.

Chương VIII. TOÁT YẾU DUYÊN TRỢ (Paccayasāṅgha)

PHẦN II.

ĐỊNH LÝ Y TƯƠNG SINH (Paṭiccasamuppādanayo) “tiếp theo”

• **Bảy vấn đề nên biết trong y tương sinh**

Trong y tương sinh, những điều cần được biết là mười hai chi (*aṅga*), ba thời (*addhā*), bốn yếu lược (*saṅkhepa*), hai mươi bốn thể (*ākāra*), ba tục đoạn (*sandhi*), ba luân (*vaṭṭa*) và hai căn (*mūla*).

1. Mười hai chi (*dvādas’āṅgāni*)

Y tương sinh có 11 duyên trợ như vô minh duyên hành ... sanh duyên lão tử. Nhưng cần được biết là có 12 chi (*aṅga*), đó là (1) Vô minh (*avijjā*), (2) Hành (*saṅkhāra*), (3) Thức (*viññāṇa*), (4) Danh sắc (*nāmarūpa*), (5) Lục nhập (*saḷāyatana*), (6) Xúc (*phassa*), (7) Thọ (*vedanā*), (8) Ái (*taṇhā*), (9) Thủ (*upādāna*), (10) Hữu (*bhava*), (11) sanh (*jāti*), (12) Lão tử (*jarāmaṇa*). Sầu (*sokādi*)... là thứ yếu nên không kê.

*

2. Ba thời (*tayo addhā*)

Thời đây là nói theo thời kiếp sống. Kiếp sống trước gọi là quá khứ; kiếp sống này gọi là thời hiện tại; kiếp sống sau gọi là thời vị lai.

Trong mười hai chi y tương sinh, vô minh và hành thuộc thời quá khứ. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ và hữu thuộc thời hiện tại. Sanh và lão tử thuộc thời vị lai.

*

3. Bốn yếu lược (*catusaṅkhepā*)

Yếu lược là tóm tắt y tương sinh theo nhân quả ba thời.

1. Nhân quá khứ, tức là vô minh và hành.
2. Quả hiện tại, tức là thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ.
3. Nhân hiện tại, tức là ái, thủ và hữu.
4. Quả vị lai, tức là sanh và lão tử.

*

4. Hai mươi bốn thể (*catuvīsat'ākārā*)

Thể hay còn gọi là hành tướng của y tương sinh, là tính chất hiện ản, hình bóng của nhân quả.

Trong bốn yếu lược: Nhân quá khứ, quả hiện tại, nhân hiện tại, quả vị lai. Nên biết chi pháp hiện và ản trong nhân quả ấy.

Vô minh và hành hiển hiện là nhân quá khứ; tiềm ản trong vô minh và hành là ái, thủ và hữu. Như vậy, nhân quá khứ có năm hành tướng (hiện có hai và ản có ba).

Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ là quả hiện tại hiển hiện; Trong năm quả hiện tại có tiềm ản là sanh và lão tử. Như vậy, quả hiện tại có bảy hành tướng (hiện có năm và ản có hai).

Ái, thủ và hữu là nhân hiện tại hiển hiện; trong ba nhân hiện tại ấy có tiềm ản là vô minh và hành. Như vậy nhân hiện tại có năm hành tướng (hiện có ba và ản có hai).

Sanh và lão tử là quả vị lai hiển hiện; Trong hai quả vị lai ấy có tiềm ản là thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ. Như vậy quả vị lai có bảy hành tướng (hiện có hai và ản có năm).

Năm nhân quá khứ, bảy quả hiện tại, năm nhân hiện tại và bảy quả vị lai, tổng cộng có 24 hành tướng hay thể.

Về vấn đề này, các vị A xà lê xưa chỉ nói có hai mươi (20) hành tướng. Tức là năm nhân quá khứ (hai pháp hiện và ba pháp ản), năm quả hiện tại (năm pháp hiện mà không kể hai pháp ản), năm nhân hiện tại (ba pháp hiện và hai pháp ản), và năm quả vị lai (không lấy hai pháp hiện mà chỉ kể năm pháp ản).

Các Ngài nói, năm nhân quá khứ là vô minh, hành, ái, thủ và hữu.
Năm quả hiện tại là thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ.
Năm nhân hiện tại là ái, thủ, hữu, vô minh và hành.
Năm quả vị lai là thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ.

*

5. Ba tục đoạn (*tisandhi*)

Tục đoạn (*sandhi*) là mối nối giữa nhân và quả trong y tương sinh. Có ba mối nối:

(1) Mối nối giữa nhân quá khứ với quả hiện tại, chính là mối hành duyên thức (*saṅkhārapaccayā viññāṇam*). Hành là nhân quá khứ; Thức là quả hiện tại.

(2) Mối nối giữa quả hiện tại với nhân hiện tại, chính là mối thọ duyên ái (*vedanāpaccayā taṇhā*). Thọ là quả hiện tại; Ái là nhân hiện tại.

(3) Mối nối giữa nhân hiện tại với quả vị lai, chính là mối hữu duyên sanh (*bhavapaccayā jāti*). Nghiệp hữu là nhân hiện tại; sanh là quả vị lai.

Ở đây cần chú ý mối nối thứ hai: Quả hiện tại với nhân hiện tại, tức thọ duyên ái. Tu tập để dừng lại bánh xe luân hồi; Hành duyên thức, mối nối giữa nhân quá khứ với quả hiện tại, là điều tất nhiên không sửa chữa được; Hữu duyên sanh, mối nối giữa nhân hiện tại với quả vị lai, cũng không chặn đứng được.

Nhưng mối nối giữa quả hiện tại với nhân hiện tại thì không phải nhất định “Do thọ duyên ái”. Một người có tu tập, khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý suy nghĩ, do xúc cảnh phát sanh thọ, người ấy có chánh niệm khi thọ phát sanh, rồi khởi lên trí tuệ thâm sát tính chất vô thường, khổ, vô ngã. Như vậy thay vì thọ duyên ái, vị tu tập chuyển thành thọ duyên trí, hoặc thọ duyên tín... Sự tu tập đối với duyên sinh là thế.

*

6. Ba luân (*tīni vaṭṭāni*)

Luân (*vaṭṭa*) là sự xoay vòng. Bánh xe luân hồi có ba đoạn nối nhau thành vòng tròn, gọi đó là ba luân.

(1)Phiền não luân (*kilesavatta*) là chi vô minh, ái, thủ

(2)Nghiệp luân (*kammavatta*) là chi hành và hữu.

(3)Quả luân (*vipākavatta*) là chi thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sanh và lão tử.

Bánh xe luân hồi được phân thành hai chặng: Nhân quá khứ quả hiện tại và nhân hiện tại quả vị lai.

Chặng đầu: vô minh (phiền não luân) duyên hành (nghiệp luân); hành (nghiệp luân) duyên thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ (quả luân).

Chặng sau: ái, thủ (phiền não luân) duyên hữu (nghiệp luân); Hữu (nghiệp luân) duyên sanh và lão tử (quả luân).

Phiền não luân và nghiệp luân là nhân; Quả luân là quả của nhân.

Gọi là luân hồi của chúng sanh, khởi dậy phiền não thúc đẩy tạo nghiệp đưa đến quả; Rồi quả luân hồi tiếp tục tái khởi phiền não luân... Cứ như vậy xoay vòng mãi.

*

7. Hai căn (*dve mūlāni*)

Căn (*mūla*) là gốc rễ, cội nguồn. Y tương sinh gồm hai chuỗi: Nhân quá khứ quả hiện tại và nhân hiện tại quả vị lai.

Chuỗi nhân quá khứ quả hiện tại là vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ. Trong chuỗi này, vô minh (*avijjā*) là gốc, hay gọi là căn (*mūla*).

Chuỗi nhân hiện tại quả vị lai gồm ái, thủ, hữu, sanh và lão tử. Trong chuỗi này thì ái (*taṇhā*) là gốc.

Như vậy vô minh và ái là hai căn của y tương sinh.

Khi nào hai gốc ấy được bứng nhổ, được phá hủy hoàn toàn bởi đạo tuệ ung cúng (*Arahattamaggañāṇena*) thì bánh xe luân hồi dừng lại.

Bậc Đại Sĩ đã trình bày y tương sinh (*paṭicasamuppāda*) là vòng luân hồi rối rắm, không có khởi điểm

Không có khởi điểm (*anādikam*), vậy vô minh không phải là khởi điểm thì cái gì là tập khởi của vô minh?

Ngài Sāriputta trong kinh Chánh Tri Kiến (*sammādiṭṭhisutta*) khi được hỏi về tập khởi của vô minh, Ngài đã giải đáp: Lậu hoặc là tập khởi của vô minh (*āsavasamudayā avijjāsamudayo*).

Thật vậy chúng sinh bị ngâm chìm bởi tứ lậu (*āsava*) là tham, tà kiến và si nên sống trong bóng tối, từ bóng tối này đi đến bóng tối khác, khởi lên tâm bất thiện và tâm thiện hiệp thể dẫn đi tái sanh.

Chỗ nào có tâm bất thiện sanh khởi thì chỗ ấy có vô minh, vì si (*moha*) phối hợp với tất cả tâm bất thiện (*akusalacitta*).

Dù là tâm thiện hiệp thể, tâm thiện ấy là nghiệp hữu (*kammabhava*) do ái, thủ làm duyên (tham và tà kiến) nên vô minh cũng từ dục lậu, hữu lậu, kiến lậu mà sanh ra.

Tóm lại, duyên sinh hay y tương sinh là vòng luân hồi lẫn lẩn, trừ khi chứng được đạo quả A la hán, đoạn diệt hai gốc (*mūla*) vô minh và ái thì mới chấm dứt luân hồi.

(Dứt định lý y tương sinh)

Biên soạn giáo trình: Tỳ kheo Tuệ Siêu